

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC  
SỞ HỮU TRÍ TUỆ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ  
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BKHCN ngày tháng năm 2026  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng  
quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
<b>A</b>	<b>Thủ tục hành chính cấp trung ương</b>				
1.	1.011898	Thủ tục đền bù cho chủ sở hữu sáng chế vì sự chậm trễ trong việc cấp phép lưu hành dược phẩm.	Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
<b>B</b>	<b>Thủ tục hành chính cấp tỉnh</b>				
1.	1.011937	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ	Sở hữu trí tuệ	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
2.	1.011938	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ	Sở hữu trí tuệ	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
3.	1.011939	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ	Sở hữu trí tuệ	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
4.	1.013916	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.	Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ	Sở hữu trí tuệ	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
5.	1.013919	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.	Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ	Sở hữu trí tuệ	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

6.	1.013922	Thủ tục thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.	Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ	Sở hữu trí tuệ	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
7.	1.013924	Thủ tục ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.	Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ	Sở hữu trí tuệ	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
8.	1.013925	Thủ tục ghi nhận Người đại diện sở hữu công nghiệp.	Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ	Sở hữu trí tuệ	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
9.	1.013928	Thủ tục ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.	Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ	Sở hữu trí tuệ	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
10.	1.013942	Thủ tục xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.	Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ	Sở hữu trí tuệ	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
11.	1.013954	Thủ tục xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp.	Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ	Sở hữu trí tuệ	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
12.	1.013955	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp.	Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ	Sở hữu trí tuệ	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
13.	1.013956	Thủ tục cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp.	Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ	Sở hữu trí tuệ	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
14.	1.013958	Thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp.	Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ	Sở hữu trí tuệ	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
15.	1.013959	Thủ tục thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp.	Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ	Sở hữu trí tuệ	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

					ương
16.	1.013966	Thủ tục cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, cấp lại phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ	Sở hữu trí tuệ	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
17.	1.013968	Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.	Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ	Sở hữu trí tuệ	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
18.	1.013970	Thủ tục ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.	Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ	Sở hữu trí tuệ	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
19.	1.013972	Thủ tục cấp phó bản, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, cấp lại phó bản giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ	Sở hữu trí tuệ	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
20.	1.013973	Thủ tục ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế.	Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ	Sở hữu trí tuệ	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
21.	1.013974	Thủ tục yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng	Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31	Sở hữu trí tuệ	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung

		sáng chế theo quyết định bắt buộc.	tháng 3 năm 2026 của Chính phủ		ương
--	--	------------------------------------	--------------------------------	--	------

**2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
<b>A Thủ tục hành chính cấp trung ương</b>					
1.	1.011934	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp.	Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ	Cục Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
2.	1.011935	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp.	Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ	Cục Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
3.	1.011936	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp.	Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ	Cục Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
<b>B Thủ tục hành chính cấp tỉnh</b>					
4.	1.013963	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp.	Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ	Sở hữu trí tuệ	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

**PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG TTHC**

**I. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

**A. Thủ tục hành chính cấp trung ương:**

**1. Thủ tục đền bù cho chủ sở hữu sáng chế vì sự chậm trễ trong việc cấp phép lưu hành dược phẩm**

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu đền bù cho chủ sở hữu sáng chế vì sự chậm trễ trong việc cấp phép lưu hành dược phẩm đến Bộ phận một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p> <p>Bước 2: Thẩm định hồ sơ Cục Sở hữu trí tuệ thông báo cho chủ Bằng độc quyền sáng chế về phương án đền bù và thực hiện các thủ tục sau: + Không thu phí sử dụng Bằng độc quyền sáng chế cho khoảng thời gian thủ tục đăng ký lưu hành dược phẩm được sản xuất theo Bằng</p>
--------------------	--

	<p>độc quyền sáng chế đó bị chậm trong quá trình xử lý yêu cầu duy trì hiệu lực;</p> <p>+ Trong trường hợp phí sử dụng Bằng độc quyền sáng chế cho khoảng thời gian đó đã được nộp, khấu trừ số phí đã được nộp trong quá trình xử lý yêu cầu duy trì hiệu lực ở kỳ tiếp theo;</p> <p>+ Trong trường hợp chủ Bằng độc quyền sáng chế không tiếp tục duy trì hiệu lực hoặc Bằng độc quyền sáng chế hết hiệu lực, hoàn trả phí sử dụng cho chủ Bằng độc quyền sáng chế trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu theo quy định.</p>
Cách thức thực hiện	<p>- <i>Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia;</i></p> <p>- <i>Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Bộ phận một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i></p>
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>+ Tờ khai yêu cầu đền bù do chậm cấp phép lưu hành lần đầu đối với dược phẩm sản xuất theo bằng độc quyền sáng chế theo <i>Mẫu số 27 tại Phụ lục I của Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ;</i></p> <p>+ Tài liệu xác nhận của cơ quan có thẩm quyền cấp phép lưu hành dược phẩm về việc thủ tục đăng ký lưu hành dược phẩm được sản xuất theo Bằng độc quyền sáng chế đó bị chậm.</p> <p>Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	<i>60 ngày</i>
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cá nhân, tổ chức
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Sở hữu trí tuệ
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Thông báo về phương án đền bù và thủ tục được Cục Sở hữu trí tuệ thực hiện.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không quy định
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Tờ khai yêu cầu đền bù do chậm cấp phép lưu hành lần đầu đối với dược phẩm sản xuất theo bằng độc quyền sáng chế theo <i>Mẫu số 27 tại Phụ lục I của Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	<p>- Thủ tục đăng ký lưu hành lần đầu của dược phẩm được sản xuất theo Bằng độc quyền sáng chế đó tại Việt Nam bị chậm và được cơ quan có thẩm quyền cấp phép lưu hành cấp Giấy xác nhận thủ tục đăng ký lưu hành dược phẩm lần đầu bị chậm.</p> <p>- Yêu cầu phải được nộp cho Cục Sở hữu trí tuệ trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày dược phẩm được cấp phép lưu hành.</p> <p>- Đối với dược phẩm được sản xuất theo nhiều Bằng độc quyền sáng chế khác nhau thì được miễn phí sử dụng của tất cả các Bằng độc quyền sáng chế liên quan.</p>

Căn cứ pháp lý của  
thủ tục hành chính

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15.

- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.

<p><b>TỜ KHAI</b></p> <p><b>YÊU CẦU ĐỀN BÙ DO CHẬM CẤP PHÉP LƯU HÀNH LẦN ĐẦU ĐỐI VỚI DƯỢC PHẨM SẢN XUẤT THEO BẰNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ</b></p> <p>Kính gửi<sup>1</sup>: .....</p> <p>Người nộp đơn dưới đây đề nghị thực hiện yêu cầu đền bù do chậm cấp phép lưu hành lần đầu đối với dược phẩm sản xuất theo Bằng độc quyền sáng chế<sup>2</sup></p>	<p><b>Mã hồ sơ thủ tục hành chính:</b></p> <p><b>Số đơn:</b></p> <p><b>Ngày nộp đơn:</b></p>
--	--

**(I) NGƯỜI NỘP ĐƠN**

(Tổ chức, cá nhân là chủ Bằng độc quyền sáng chế có yêu cầu đền bù)<sup>3</sup>

(1) Tên đầy đủ:

(2) Địa chỉ:

(3) Mã quốc gia của địa chỉ:

(4) Mã quốc tịch của người nộp đơn:

Loại hình:  Cá nhân/  Doanh nghiệp/  Viện nghiên cứu /  Trường đại học /  Khác

**Trường hợp người nộp đơn là tổ chức/cá nhân Việt Nam:**

(5) Số căn cước (đối với cá nhân):

(6) Mã số thuế (đối với tổ chức):

(7) Mã quan hệ ngân sách (đối với các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước):

(8) Điện thoại:

(9) Email:

<sup>1</sup> Tên tổ chức hành chính quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp.

<sup>2</sup> Trong Tờ khai này, người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông  nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

<sup>3</sup> Mã quốc gia, Mã quốc tịch là mã hai chữ cái thể hiện tên quốc gia theo Tiêu chuẩn ST.3 của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới, ví dụ VN, US, JP.

## **(II) ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘ ĐƠN**

Là tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp được người nộp đơn ủy quyền, **Mã số đại diện:**

Là văn phòng đại diện/chi nhánh tại Việt Nam của người nộp đơn là tổ chức Việt Nam

Là văn phòng đại diện/chi nhánh/tổ chức 100% vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam của người nộp đơn là tổ chức nước ngoài

Là người đại diện theo pháp luật của người nộp đơn là cá nhân

Là cá nhân đại diện theo ủy quyền của người nộp đơn là cá nhân (không nhằm mục đích kinh doanh)

(1) Tên đầy đủ:

(2) Địa chỉ:

(3) Số căn cước (đối với cá nhân):

(4) Mã số thuế (đối với tổ chức):

(5) Điện thoại:

(6) Email:

## **(III)**

### **GIẤY PHÉP LƯU HÀNH DƯỢC PHẨM**

(1) Tên dược phẩm:

(2) Số đăng ký:

Ngày cấp:

Ngày hết hạn:

(3) Khoảng thời gian thủ tục đăng ký lưu hành dược phẩm lần đầu bị chậm<sup>1</sup>:

### **(IV) BẢNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ**

(1) Tên sáng chế:

(2) Số văn bằng bảo hộ:

Ngày cấp:

(3) Kỳ hạn nộp phí sử dụng Bảng độc quyền sáng chế gần nhất:

(4) Phí sử dụng Bảng độc quyền sáng chế trong thời gian thủ tục đăng ký lưu hành dược phẩm lần đầu bị chậm:

Đã nộp       Chưa nộp

(5) Trong trường hợp đã nộp phí sử dụng, đề nghị:

Khấu trừ vào kỳ duy trì hiệu lực tiếp theo

Hoàn trả cho chủ Bảng độc quyền sáng chế, hình thức hoàn trả:

tiền mặt       chuyển khoản

(Nếu chuyển khoản, ghi rõ:

(6) Số tài khoản:

Chủ tài khoản:

Ngân hàng (nêu rõ chi nhánh):

<sup>1</sup> Được xác định theo khoản 2 và khoản 3 Điều 131a Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14/6/2019, Luật số 07/2022/QH15 ngày 16/6/2022, 93/2025/QH15 ngày 27/6/2025 và Luật số 131/2025/QH15 ngày 10/12/2025.



## B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

### 1. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ</p> <p>Tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương).</p> <p>Bước 2: Thẩm định hồ sơ</p> <p>Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xem xét hồ sơ theo quy định sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ, ra quyết định cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định, trong đó ghi rõ tên đầy đủ, tên giao dịch, địa chỉ, mã số của tổ chức và chuyên ngành giám định của tổ chức tương ứng với chuyên ngành giám định của các giám định viên thuộc tổ chức, danh sách giám định viên sở hữu công nghiệp là thành viên của tổ chức; gửi quyết định cho cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp để ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về giám định sở hữu công nghiệp; công bố thông tin về quyết định trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan đó trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định;</li><li>+ Trường hợp hồ sơ có thiếu sót, ra thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, trong đó nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để tổ chức nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối; hết thời hạn đã ấn định mà tổ chức nộp hồ sơ không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng, ra quyết định từ chối cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp, trong đó nêu rõ lý do từ chối.</li></ul>
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"><li>- Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia;</li><li>- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.</li></ul>
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (theo Mẫu số 31 tại Phụ lục I của Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ);</li><li>- Bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên sở hữu công nghiệp hoạt động cho tổ chức (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực);</li><li>- Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí trực tiếp vào tài khoản của cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục này).</li></ul> <p>Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	30 ngày
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức hành nghề luật sư được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp

	<i>luật có ít nhất một cá nhân có thể giám định viên sở hữu trí tuệ được thực hiện hoạt động giám định về sở hữu trí tuệ.</i>
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	- Quyết định cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp; - Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp.
Phí, lệ phí (nếu có)	Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp, làm theo Mẫu số 31 tại Phụ lục I của Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức hành nghề luật sư được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật; - Có ít nhất một cá nhân có thể giám định viên sở hữu trí tuệ được thực hiện hoạt động giám định về sở hữu trí tuệ.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

<p><b>TỜ KHAI</b>  <b>YÊU CẦU CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN</b>  <b>TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP</b></p> <p>Kính gửi<sup>1</sup>: .....</p> <p>Người nộp đơn dưới đây yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp<sup>2</sup></p>	<p><b>Mã hồ sơ thủ tục hành chính:</b></p> <p><b>Số đơn:</b></p> <p><b>Ngày nộp đơn:</b></p>
--	--

**(I) NGƯỜI NỘP ĐƠN**

(Tổ chức yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp)

- (1) Tên đầy đủ:
- (2) Mã số doanh nghiệp:
  - (2.1) Mã số thuế:
  - (2.2) Mã quan hệ ngân sách (nếu có):
- (3) Địa chỉ:
- (4) Điện thoại:
- (5) Email:
- (6) Chuyên ngành giám định:

<b>(II) DANH SÁCH GIÁM ĐỊNH VIÊN THUỘC TỔ CHỨC</b>			
TT	Họ và tên	Số Thẻ giám định viên	Chuyên ngành

<b>(III) PHÍ, LỆ PHÍ</b>	
Loại phí, lệ phí	Số tiền
[ ] Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	
[ ] Phí, lệ phí khác:	
<b>Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:</b>	
Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ và tổ chức hành chính quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp (phí đăng bạ)):	
<b>(IV) CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b>	<b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b>

<sup>1</sup> Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

<sup>2</sup> Trong Tờ khai này người khai đơn đánh dấu “x” vào ô vuông [ ] nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp; trường hợp yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp thì chỉ phải khai những thông tin liên quan đến lý do yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận.

	<i>(Dành cho cán bộ nhận đơn)</i>	
<input type="checkbox"/> Tờ khai theo mẫu <input type="checkbox"/> Bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên thuộc tổ chức <input type="checkbox"/> Bản chính đề đòi chiếu	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận và tổ chức hành chính quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp (phí đăng bạ))	<input type="checkbox"/>	<b>Cán bộ nhận đơn</b> <i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i>

### **(V) CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN**

Tôi xin cam đoan các thông tin, tài liệu trong đơn là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Khai tại: ..... ngày ... tháng ... năm ...*

Chữ ký, họ tên người nộp đơn

*(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu)*

#### **Hướng dẫn:**

- Trường hợp tổ chức nộp Tờ khai bằng bản giấy thì cần đóng dấu giáp lai vào Tờ khai.

- Trường hợp cá nhân nộp Tờ khai bằng bản giấy thì cần ký xác nhận vào góc dưới cùng bên phải mỗi trang của Tờ khai.

## 2. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp

Trình tự thực hiện	<p>- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ</p> <p>Tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương).</p> <p>- Bước 2: Thẩm định hồ sơ</p> <p>Trong thời hạn 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xem xét hồ sơ theo quy định sau đây:</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ, ra quyết định cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định, trong đó ghi rõ tên đầy đủ, tên giao dịch, địa chỉ, mã số của tổ chức và chuyên ngành giám định của tổ chức tương ứng với chuyên ngành giám định của các giám định viên thuộc tổ chức, danh sách giám định viên sở hữu công nghiệp là thành viên của tổ chức; gửi quyết định cho cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp để ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về giám định sở hữu công nghiệp; công bố thông tin về quyết định trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan đó trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định;</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ có thiếu sót, ra thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, trong đó nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để tổ chức nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối; hết thời hạn đã ấn định mà tổ chức nộp hồ sơ không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng, ra quyết định từ chối cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp, trong đó nêu rõ lý do từ chối.</p> <p>+ Trong trường hợp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp bị lỗi do cơ quan cấp thì cơ quan đó có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của tổ chức giám định sở hữu công nghiệp và không thu phí, lệ phí.</p>
Cách thức thực hiện	<p>- Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia;</p> <p>- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương .</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>- Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp, làm theo Mẫu số 33 tại Phụ lục I của Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ;</p> <p>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được sửa đổi của tổ chức giám định sở hữu công nghiệp trong trường hợp có sự thay đổi thông tin của tổ chức (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực). Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các</p>

	<p><i>cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức, bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao Quyết định tuyển dụng, hợp đồng lao động hoặc quyết định chấm dứt hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên sở hữu công nghiệp hoạt động cho tổ chức trong trường hợp có sự thay đổi về giám định viên sở hữu công nghiệp (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực);</li> <li>- Bản sao <i>chụp</i> chứng từ/bảng chứng nộp phí, lệ phí (<i>trường hợp nộp phí, lệ phí trực tiếp vào tài khoản của cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục này</i>).</li> </ul> <p>Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	<i>16 ngày làm việc</i>
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	<i>Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i>
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp;</li> <li>- Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp.</li> </ul>
Phí, lệ phí (nếu có)	Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	<i>Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 33 tại Phụ lục I của Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ;</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận <i>tổ chức giám định sở hữu công nghiệp</i> bị mất, bị lỗi, bị hỏng (rách, bẩn, phai mờ...) đến mức không sử dụng được;</li> <li>- Có sự thay đổi <i>liên quan đến các thông tin</i> đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận <i>tổ chức giám định sở hữu công nghiệp</i>.</li> </ul>
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Sở hữu trí tuệ số <b>50/2005/QH11</b> được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số <b>36/2009/QH12</b>, Luật số <b>42/2019/QH14</b>, Luật số <b>07/2022/QH15</b>; Luật số <b>93/2025/QH15</b> và Luật số <b>131/2025/QH15</b>.</li> <li>- Nghị định số <b>65/2023/NĐ-CP</b> ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số <b>15/2026/NĐ-CP</b> và Nghị định số <b>100/2026/NĐ-CP</b> ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.</li> </ul>

<p><b>TỜ KHAI</b>  <b>YÊU CẦU CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN</b>  <b>TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP</b></p> <p>Kính gửi<sup>1</sup>: .....</p> <p>Người nộp đơn dưới đây yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp<sup>2</sup></p>	<p><b>Mã hồ sơ thủ tục hành chính:</b></p> <p><b>Số đơn:</b></p> <p><b>Ngày nộp đơn:</b></p>
--	--

**(I) NGƯỜI NỘP ĐƠN**

(Tổ chức giám định sở hữu công nghiệp yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận)

- (1) Tên đầy đủ:
- (2) Mã số doanh nghiệp:
- (2.1) Mã số thuế:
- (2.2) Mã quan hệ ngân sách (nếu có):
- (3) Địa chỉ:
- (4) Điện thoại:
- (5) Email:
- (6) Chuyên ngành giám định:
- (7) Số Giấy chứng nhận:

**(II) LÝ DO CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN**

- Giấy chứng nhận bị mất                       Giấy chứng nhận bị lỗi                       Giấy chứng nhận bị hỏng
- Thông tin của tổ chức được ghi nhận trong Giấy chứng nhận thay đổi
- Thay đổi chuyên ngành giám định
- Thay đổi giám định viên thuộc tổ chức

<b>DANH SÁCH GIÁM ĐỊNH VIÊN THUỘC TỔ CHỨC</b>			
<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Số Thẻ giám định viên</b>	<b>Chuyên ngành</b>

**(III) PHÍ, LỆ PHÍ**

<b>Loại phí, lệ phí</b>	<b>Số tiền</b>
-------------------------	----------------

<sup>1</sup> Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

<sup>2</sup> Trong Tờ khai này người khai đơn đánh dấu “x” vào ô vuông [ ] nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp; trường hợp yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp thì chỉ phải khai những thông tin liên quan đến lý do yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận.

<input type="checkbox"/> Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	
<input type="checkbox"/> Phí, lệ phí khác:	
<b>Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:</b>	
Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ và tổ chức hành chính quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (phí đăng bạ)):	

<b>(IV) CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b>	<b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b> (Dành cho cán bộ nhận đơn)	
<input type="checkbox"/> Tờ khai theo mẫu	<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/> Bản sao Quyết định tuyển dụng, hợp đồng lao động hoặc Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên thuộc tổ chức (trong trường hợp có sự thay đổi về giám định viên)	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/> Bản chính đề đòi chiêu	<input type="checkbox"/>	Cán bộ nhận đơn (Ký và ghi rõ họ tên)
<input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận và tổ chức hành chính quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (phí đăng bạ)).	<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/> Tài liệu khác	<input type="checkbox"/>	

#### **(V) CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN**

Tôi xin cam đoan các thông tin, tài liệu trong đơn là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại: ..... ,ngày ... tháng ... năm ...

Chữ ký, họ tên người nộp đơn  
(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu)

#### **Hướng dẫn:**

- Trường hợp tổ chức nộp Tờ khai bằng bản giấy thì cần đóng dấu giáp lai vào Tờ khai.

- Trường hợp cá nhân nộp Tờ khai bằng bản giấy thì cần ký xác nhận vào góc dưới cùng bên phải mỗi trang của Tờ khai.

### 3. Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ</p> <p>Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương).</p> <p>Bước 2: Thẩm định hồ sơ</p> <p>+ Trường hợp tổ chức, cá nhân có yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp trên cơ sở hồ sơ yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp được nộp cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thông báo bằng văn bản về yêu cầu này cho tổ chức được cấp Giấy chứng nhận và ấn định thời hạn là 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để tổ chức đó có ý kiến. Trên cơ sở xem xét ý kiến của các bên, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định thu hồi hoặc quyết định từ chối thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp và gửi cho các bên;</p> <p>d2) Trường hợp có căn cứ khẳng định tổ chức được cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thông báo bằng văn bản về dự định thu hồi Giấy chứng nhận cho tổ chức được cấp Giấy chứng nhận và ấn định thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để tổ chức đó có ý kiến. Trên cơ sở xem xét ý kiến của tổ chức được cấp Giấy chứng nhận, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định thu hồi hoặc thông báo không thu hồi Giấy chứng nhận cho tổ chức được cấp;</p> <p>d3) Trường hợp người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thông báo bằng văn bản về việc Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp được cấp không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái pháp luật, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo nói trên, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận;</p> <p>d4) Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương công bố trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan đó và gửi cho cơ quan thực hiện việc đăng bạ thuộc cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp để ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về giám định sở hữu công nghiệp.</p>
Cách thức thực hiện	<p>- Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia;</p> <p>- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>+ Đơn yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp làm theo Mẫu số 35 tại Phụ lục I của Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ;</p>

	+ Chứng cứ chứng minh căn cứ đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp.
Thời hạn giải quyết	30 ngày
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	<i>Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i>
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không quy định
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	<i>Đơn yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp, làm theo Mẫu số 35 tại Phụ lục I của Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có chứng cứ khẳng định rằng Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp được cấp trái với quy định pháp luật;</li> <li>- <i>Tổ chức không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ;</i></li> <li>- Tổ chức giám định sở hữu công nghiệp chấm dứt hoạt động giám định;</li> <li>- Tổ chức giám định sở hữu công nghiệp vi phạm quy định pháp luật bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề nghị xử lý bằng hình thức thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp.</li> </ul>
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15.</li> <li>- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.</li> </ul>

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN YÊU CẦU THU HỒI THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN/GIẤY CHỨNG NHẬN  
TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**

Kính gửi<sup>1</sup>: .....

**(I) Người làm đơn:**

(1) Tên tổ chức/cá nhân:

(2) Địa chỉ:

(3) Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập (*đối với các tổ chức khác*) hoặc Số Căn cước (*trường hợp người làm đơn là cá nhân*):

(4) Điện thoại:.....

(5) E-mail:.....

**(II) Thông tin về Thẻ giám định viên/Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp bị đề nghị thu hồi:**

(1) Tên tổ chức/cá nhân:

(2) Số thẻ giám định viên/số Giấy chứng nhận:

(3) Ngày cấp:

**(III) Căn cứ đề nghị thu hồi Thẻ giám định viên/Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp:**

**(IV) Cam kết**

(Tổ chức, cá nhân)..... cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Khai tại: ... ngày... tháng ... năm ...*

**Người làm đơn**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)*

<sup>1</sup> Tên cơ quan cấp Thẻ giám định viên/Giấy chứng nhận.

#### 4. Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ</p> <p>Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương).</p> <p>Bước 2: Thẩm định hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, trong đó ghi rõ họ tên, ngày sinh, địa chỉ thường trú, số căn cước, số Chứng chỉ và lĩnh vực hành nghề của người được cấp chứng chỉ; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp cho người nộp đơn, đồng thời gửi đến cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp để ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan đó trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định;</li><li>- Trường hợp đơn không hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thông báo các thiếu sót của hồ sơ và ấn định thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để người nộp đơn sửa chữa thiếu sót;</li><li>- Trường hợp người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, trong thời hạn 16 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn 30 ngày nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định từ chối cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, trong đó nêu rõ lý do từ chối;</li><li>- Trường hợp phát hiện người nộp hồ sơ yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được nộp đến nhiều cơ quan có thẩm quyền cấp cùng một thời điểm, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định từ chối cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, trong đó nêu rõ lý do từ chối.</li></ul>
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"><li>- Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia;</li><li>- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.</li></ul>
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>Đơn yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp gồm 01 bộ tài liệu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Tờ khai yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, làm theo Mẫu số 01 tại Phụ lục I Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ</li><li>- Bản sao giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp và bản sao Thẻ luật sư đối với trường hợp đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định tại khoản 2a Điều 155 của Luật Sở hữu trí tuệ (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực); hoặc tài liệu chứng minh người yêu cầu</li></ul>

	<p>cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp đã đạt yêu cầu tại kỳ kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp do cơ quan có thẩm quyền tổ chức;</p> <p>- Ảnh chân dung của người yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp cỡ 3 x 4 (cm) (trong trường hợp nộp hồ sơ giấy thì phải nộp 02 ảnh);</p> <p>- Bản sao chứng từ/bảng chứng nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tổ chức hành chính quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (lệ phí đăng bạ)).</p> <p>Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	16 ngày làm việc
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cá nhân
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tổ chức hành chính
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	<p>- Quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp;</p> <p>- Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được làm theo Mẫu số 02 tại Phụ lục I của Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ</p>
Phí, lệ phí (nếu có)	<p>- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đ</p> <p>- Lệ phí đăng bạ Quyết định cấp chứng chỉ: 75.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn).</p> <p>- Lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 100.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 200.000 đồng/đơn).</p>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 01 tại Phụ lục I Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Cá nhân nộp hồ sơ yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp chỉ được nộp hồ sơ đến 01 cơ quan có thẩm quyền cấp.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	<p>- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15.</p> <p>- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.</p>

- Thông tư số 64/2025/TT-BTC quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.

<p><b>TỜ KHAI</b></p> <p><b>YÊU CẦU CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ DỊCH VỤ ĐẠI DIỆN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP</b></p> <p>Kính gửi<sup>1</sup>: .....</p> <p>Người nộp đơn dưới đây yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp<sup>2</sup></p>	<p><b>Mã hồ sơ thủ tục hành chính:</b></p> <p><b>Số đơn:</b></p> <p><b>Ngày nộp đơn:</b></p>
--	--

**(I) NGƯỜI NỘP ĐƠN**

(Cá nhân nộp đơn yêu cầu cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp)

(1) Tên đầy đủ:

(2) Địa chỉ:

(3) Số căn cước:

(4) Điện thoại:

(5) Email:

**(II) LĨNH VỰC HÀNH NGHỀ**

Sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí

Nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, chống cạnh tranh không lành mạnh, bí mật kinh doanh

**(III) PHÍ, LỆ PHÍ**

Loại phí, lệ phí	Số tiền
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
<input type="checkbox"/> Lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
<input type="checkbox"/> Lệ phí đăng bạ quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
<b>Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:</b>	

Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ và tổ chức hành chính quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (lệ phí đăng bạ)):

<sup>1</sup> Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

<sup>2</sup> Trong Tờ khai này, Người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông  nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

<b>(IV) CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b>	<b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b> (Dành cho cán bộ nhận đơn)
<input type="checkbox"/> Tờ khai theo mẫu <input type="checkbox"/> Bản sao giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp và bản sao Thẻ luật sư đối với trường hợp đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định tại khoản 2 <sup>a</sup> Điều 155 của Luật Sở hữu trí tuệ <input type="checkbox"/> Bản chính đề đổi chiếu <input type="checkbox"/> 02 ảnh 3 x 4 (cm) <input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ và tổ chức hành chính quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (lệ phí đăng bạ))	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <div style="border: 1px solid black; padding: 10px; width: fit-content; margin: 0 auto;">           Cán bộ nhận đơn            (Ký và ghi rõ họ tên)         </div>

**(V) CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN**

Tôi đã hoàn thành kỳ kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp năm .....do.....tổ chức với kết quả Đạt.

Tôi cam đoan đây là lần đầu tiên yêu cầu cấp mới chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại: ..... ngày ... tháng ... năm

...

Chữ ký, họ tên của người nộp đơn

**Hướng dẫn:**

Trường hợp cá nhân nộp Tờ khai bằng bản giấy thì cần ký xác nhận vào góc dưới cùng bên phải mỗi trang của Tờ khai.

## 5. Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ          Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương).</p> <p>Bước 2: Thẩm định hồ sơ          Trong thời hạn 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xử lý theo trình tự như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, trong đó ghi rõ họ tên, ngày sinh, địa chỉ thường trú, số căn cước, số Chứng chỉ và lĩnh vực hành nghề của người được cấp chứng chỉ; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp cho người nộp đơn, đồng thời gửi đến cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp để ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp;</li> <li>- Trường hợp đơn không hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thông báo các thiếu sót của hồ sơ và ấn định thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để người nộp đơn sửa chữa thiếu sót;</li> <li>- Trường hợp người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, trong thời hạn 16 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn 30 ngày nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định từ chối cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, trong đó nêu rõ lý do từ chối;</li> <li>- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương công bố thông tin về việc cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan đó trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định.</li> <li>- Trường hợp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp bị lỗi do cơ quan cấp (thông tin trên Chứng chỉ hành nghề không chính xác so với thông tin trong hồ sơ nộp vào, lỗi đóng dấu v.v.), cơ quan này có trách nhiệm cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của người được cấp Chứng chỉ, không thu phí, lệ phí.</li> </ul>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia;</li> <li>- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương .</li> </ul>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>Đơn yêu cầu cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được nộp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bao gồm 01 bộ tài liệu như sau:</p>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai yêu cầu cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, làm theo Mẫu số 03 tại Phụ lục I Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ;</li> <li>- Ảnh chân dung của người yêu cầu cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp cỡ 3 x 4 (cm) (trong trường hợp nộp hồ sơ giấy thì phải nộp 02 ảnh);</li> <li>- Tài liệu chứng minh đã khôi phục đủ điều kiện được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp đối với trường hợp quy định tại điểm a3 khoản 2 Điều 33 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ;</li> <li>- Bản sao chụp chứng từ/bảng chứng về việc nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cơ quan thực hiện việc đăng bạ thuộc cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (lệ phí đăng bạ Quyết định cấp lại chứng chỉ hành nghề)).</li> </ul> <p>Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	16 ngày làm việc
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cá nhân
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp;</li> <li>- Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp (bản cấp lại).</li> </ul>
Phí, lệ phí (nếu có)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đ</li> <li>- Lệ phí công bố Quyết định cấp chứng chỉ: 75.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn).</li> <li>- Lệ phí đăng bạ Quyết định cấp chứng chỉ: 75.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn).</li> <li>- Lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 100.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 200.000 đồng/đơn)</li> </ul>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Tờ khai yêu cầu cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp Mẫu số 03 tại Phụ lục I Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	<p>Trong các trường hợp sau đây, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp nếu người đại diện sở hữu công nghiệp yêu cầu và nộp phí, lệ phí theo quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thông tin trong Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp quy định tại điểm c1 khoản 1 Điều 33 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ đã có sự thay đổi;</li> <li>+ Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp bị mất,</li> </ul>

	<p>bị lỗi hoặc bị hỏng (rách, bẩn, phai mờ, v.v...) đến mức không sử dụng được;</p> <p>+ Đã khôi phục đủ điều kiện được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề do không còn đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 2 và 2a Điều 155 Luật Sở hữu trí tuệ.</p>
<p>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15.</li> <li>- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.</li> </ul>

<p><b>TỜ KHAI</b></p> <p><b>YÊU CẦU CẤP LẠI CHỨNG CHỈ</b></p> <p><b>HÀNH NGHỀ DỊCH VỤ ĐẠI DIỆN</b></p> <p><b>SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP</b></p> <p>Kính gửi<sup>11</sup>: .....</p> <p>Người nộp đơn dưới đây yêu cầu cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp<sup>12</sup></p>	<p><b>Mã hồ sơ thủ tục hành chính:</b></p> <p><b>Số đơn:</b></p> <p><b>Ngày nộp đơn:</b></p>
--	--

**(I) NGƯỜI NỘP ĐƠN**

(Cá nhân nộp đơn yêu cầu cấp lại chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp)

(1) Tên đầy đủ:

(2) Địa chỉ:

(3) Số căn cước:

(4) Điện thoại:

(5) Email:

(6) Số chứng chỉ hành nghề:

**(II) LÝ DO CẤP LẠI CHỨNG CHỈ**

Chứng chỉ hành nghề bị mất, bị lỗi, bị hỏng

Thông tin cá nhân của người đại diện thay đổi

Lĩnh vực hành nghề của người đại diện thay đổi

Đã khôi phục đủ điều kiện được cấp Chứng chỉ hành nghề

<b>(III) PHÍ, LỆ PHÍ</b>	
<b>Loại phí, lệ phí</b>	<b>Số tiền</b>
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
<input type="checkbox"/> Lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
<input type="checkbox"/> Phí đăng bạ quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
<b>Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:</b>	

<sup>11</sup> Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

<sup>12</sup> Trong Tờ khai này, người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông  nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tổ chức hành chính quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (phí đăng bạ)):

<b>(IV) CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b>	<b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b> (Dành cho cán bộ nhận đơn)	
<input type="checkbox"/> Tờ khai theo mẫu <input type="checkbox"/> 02 ảnh 3 x 4 (cm) <input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ và tổ chức hành chính quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (phí đăng bạ))	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <table border="1" data-bbox="1142 526 1471 804"><tr><td data-bbox="1142 526 1471 804">Cán bộ nhận đơn (Ký và ghi rõ họ tên)</td></tr></table>	Cán bộ nhận đơn (Ký và ghi rõ họ tên)
Cán bộ nhận đơn (Ký và ghi rõ họ tên)		

#### ⑤ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN

Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại: ..... ngày ... tháng ... năm ...

Chữ ký, họ tên của người nộp đơn

#### **Hướng dẫn:**

Trường hợp cá nhân nộp Tờ khai bằng bản giấy thì cần ký xác nhận vào góc dưới cùng bên phải mỗi trang của Tờ khai.

## 6. Thủ tục thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ</p> <p>Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp đến <i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i>).</p> <p>Bước 2: Thẩm định hồ sơ</p> <p>Trình tự thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Trường hợp tổ chức, cá nhân có yêu cầu thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, <i>Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i> ra thông báo bằng về yêu cầu này cho người được cấp Chứng chỉ hành nghề và ấn định thời hạn là 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để người đó có ý kiến; trên cơ sở xem xét ý kiến của các bên, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn phản hồi, <i>Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i> ra quyết định thu hồi hoặc từ chối thu hồi Chứng chỉ và gửi cho các bên;</li><li>- Trường hợp có căn cứ khẳng định người được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2, 2a Điều 155 của Luật Sở hữu trí tuệ và điểm a3 khoản 3 Điều 33 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ, <i>Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i> thông báo bằng văn bản về dự định thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp cho người được cấp Chứng chỉ hành nghề và ấn định thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để người đó có ý kiến. Trên cơ sở xem xét ý kiến của người được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn phản hồi thông báo của người được cấp Chứng chỉ hành nghề nêu trên, <i>Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i> ra quyết định thu hồi hoặc thông báo không thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp cho người được cấp;</li><li>- Trường hợp thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp theo quy định tại khoản 4 Điều 156 của Luật Sở hữu trí tuệ, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, ra quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp;</li><li>- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi thông tin về quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp đến cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định để cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp theo quy định;</li><li>- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương công bố thông tin về việc thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân</li></ul>
--------------------	--

	<i>tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i> trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định.
Cách thức thực hiện	- <i>Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia;</i> - <i>Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	Tổ chức, cá nhân yêu cầu thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp phải nộp 01 bộ tài liệu như sau: - Đơn yêu cầu thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp; - Tài liệu chứng minh căn cứ thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp. Số lượng hồ sơ: 01 bộ
Thời hạn giải quyết	- 30 ngày (Trong trường hợp có quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Trong trường hợp có căn cứ khẳng định người được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp không còn đáp ứng các điều kiện hành nghề); - 60 ngày (Trong trường hợp tổ chức, cá nhân có yêu cầu thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp).
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	<i>Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i>
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	- Quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.
Phí, lệ phí (nếu có)	Chưa có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	<i>Đơn yêu cầu thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, làm theo Mẫu số 34 tại Phụ lục I Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp bị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thu hồi trong các trường hợp sau đây: - Người được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 và 2a Điều 155 Luật Sở hữu trí tuệ; - Người được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 156 Luật Sở hữu trí tuệ; - <i>Trường hợp đơn yêu cầu/cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được nộp một cách cố ý đến nhiều cơ quan</i>

	<i>có thẩm quyền cấp cùng một thời điểm và đã được các cơ quan đó đồng thời cấp mới hoặc cấp lại chứng chỉ với thông tin cấp/cấp lại trùng nhau, mọi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp liên quan đều sẽ bị thu hồi.</i>
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	<p>- Luật Sở hữu trí tuệ số <b>50/2005/QH11</b> được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số <b>36/2009/QH12</b>, Luật số <b>42/2019/QH14</b>, Luật số <b>07/2022/QH15</b>; Luật số <b>93/2025/QH15</b> và Luật số <b>131/2025/QH15</b>.</p> <p>- Nghị định số <b>65/2023/NĐ-CP</b> ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số <b>100/2026/NĐ-CP</b> ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.</p>

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN YÊU CẦU THU HỒI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ DỊCH VỤ  
ĐẠI DIỆN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**

Kính gửi<sup>1</sup>: .....

**(I) Người làm đơn:**

(1) Tên tổ chức/cá nhân:

(2) Địa chỉ:

(3) Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập (*đối với các tổ chức khác*)  
hoặc Số Căn cước (*trường hợp người làm đơn là cá nhân*):

(4) Điện thoại:.....

(5) E-mail:.....

**(II) Thông tin về Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp  
bị đề nghị thu hồi:**

(1) Tên cá nhân:

(2) Số Chứng chỉ:

(3) Ngày cấp:

**(III) Căn cứ đề nghị thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu  
công nghiệp:**

.....

.....

**(IV) Cam kết**

(Tổ chức, cá nhân)..... cam đoan mọi thông tin trong tờ khai  
trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Khai tại: ... ngày... tháng ... năm ...*

**Người làm đơn**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)*

<sup>1</sup> Tên cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.

**7. Thủ tục ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.**

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p><i>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ</i>  <i>Tổ chức đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 154 của Luật Sở hữu trí tuệ nộp 01 bộ hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương).</i></p> <p><i>Bước 2: Thẩm định hồ sơ</i>  <i>Trong thời hạn 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xem xét hồ sơ theo trình tự như sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi quyết định ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp cho người nộp đơn, đồng thời gửi đến cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp để cập nhật thông tin vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp theo quy định và công bố thông tin về việc ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định;</i></li> <li>- <i>Trường hợp đơn không hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thông báo các thiếu sót của hồ sơ và ấn định thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để người nộp đơn sửa chữa thiếu sót;</i></li> <li>- <i>Trường hợp người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, trong thời hạn 16 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn 30 ngày nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định từ chối ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, trong đó nêu rõ lý do từ chối.</i></li> </ul>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia;</i></li> <li>- <i>Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.</i></li> </ul>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Tờ khai yêu cầu ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 04 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ, trong đó điền đầy đủ thông tin về tổ chức và thông tin về người đại diện sở hữu công nghiệp được ủy quyền của tổ chức;</i></li> <li>- <i>Bản sao quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động của tổ chức đối với người có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp (trừ trường hợp người có Chứng chỉ đồng thời là người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó), xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực;</i></li> <li>- <i>Bản sao chụp chứng từ/bảng chứng về việc nộp phí, lệ phí theo quy định (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tổ chức hành chính quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (lệ phí đăng bạ)).</i></li> </ul>

	Số lượng hồ sơ: 01 bộ
Thời hạn giải quyết	16 ngày làm việc
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	- Quyết định ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp;
Phí, lệ phí (nếu có)	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đ - Lệ phí đăng bạ Quyết định ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn).
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Tờ khai yêu cầu ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp Mẫu số 04 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp theo quy định tại Điều 154 Luật Sở hữu trí tuệ yêu cầu ghi nhận là tổ chức kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp trong Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp nếu nộp phí, lệ phí theo quy định của pháp luật. Chi nhánh và các đơn vị phụ thuộc khác của các tổ chức có đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 154 Luật Sở hữu trí tuệ chỉ được kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp dưới danh nghĩa của tổ chức mà mình phụ thuộc.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.

<p><b>TỜ KHAI</b>  <b>YÊU CẦU GHI NHẬN TỔ CHỨC DỊCH VỤ</b>  <b>ĐẠI DIỆN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP</b></p> <p>Kính gửi<sup>13</sup>: .....</p> <p>Người nộp đơn dưới đây yêu cầu ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp<sup>14</sup></p>	<p><b>Mã hồ sơ thủ tục hành chính:</b></p> <p><b>Số đơn:</b></p> <p><b>Ngày nộp đơn:</b></p>
--	--

**(I) NGƯỜI NỘP ĐƠN**

(Tổ chức yêu cầu ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp)

(1) Tên đầy đủ:

(2) Địa chỉ:

(3) Mã số thuế:

(4) Mã số doanh nghiệp:

(4.1) Mã số thuế (đối với tổ chức trong nước):

(4.2) Mã quan hệ ngân sách (nếu có):

Loại hình tổ chức:

(5) Điện thoại:

(6) E-mail:

Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí

Nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, chống cạnh tranh không lành mạnh, bí mật kinh doanh

Người có Chứng chỉ hành nghề được tổ chức ủy quyền (kèm theo giấy ủy quyền):

Họ tên:

Số Chứng chỉ hành nghề:

Cơ quan cấp:

<sup>13</sup> Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

<sup>14</sup> Trong Tờ khai này, người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông [ ] nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

<b>(II) PHÍ, LỆ PHÍ</b>	
<b>Loại phí, lệ phí</b>	<b>Số tiền</b>
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
<input type="checkbox"/> Lệ phí đăng bạ quyết định ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
<b>Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:</b>	
Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ và tổ chức hành chính quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (lệ phí đăng bạ)):	

<b>(III) CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b>	<b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b> <i>(Dành cho cán bộ nhận đơn)</i>	
<input type="checkbox"/> Tờ khai theo mẫu	<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/> Bản sao quyết định tuyển dụng/hợp đồng lao động của Tổ chức với người có chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/> Bản chính để đối chiếu		
<input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ và tổ chức hành chính quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (lệ phí đăng bạ))	<input type="checkbox"/> <table border="1" style="width: 100%; text-align: center;"> <tr> <td>Cán bộ nhận đơn <i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i></td> </tr> </table>	Cán bộ nhận đơn <i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i>
Cán bộ nhận đơn <i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i>		
<input type="checkbox"/> Tài liệu khác: ...	<input type="checkbox"/>	

<b>(IV) CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b>
Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.
<i>Khai tại: ..... ngày ... tháng ... năm ...</i> Chữ ký, họ tên người nộp đơn <i>(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)</i>
<b><u>Hướng dẫn:</u></b> <i>Trường hợp tổ chức nộp Tờ khai bằng bản giấy thì cần đóng dấu giáp lai vào Tờ khai.</i>

## 8. Thủ tục ghi nhận Người đại diện sở hữu công nghiệp

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ Cá nhân đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 155 của Luật Sở hữu trí tuệ 01 bộ hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương).</p> <p>Bước 2: Thẩm định hồ sơ Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xem xét hồ sơ theo trình tự như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi quyết định ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp cho người nộp đơn, đồng thời gửi đến cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp để cập nhật thông tin vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp theo quy định và công bố thông tin về việc ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan đó trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định;</li><li>- Trường hợp đơn không hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thông báo các thiếu sót của hồ sơ và ấn định thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để người nộp đơn sửa chữa thiếu sót;</li><li>- Trường hợp người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, trong thời hạn 16 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn 30 ngày nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định từ chối ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp cho người nộp đơn, trong đó nêu rõ lý do từ chối.</li></ul>
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"><li>- Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia;</li><li>- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.</li></ul>
Thành phần, số lượng hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tờ khai yêu cầu ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp, làm theo Mẫu số 05 tại Phụ lục I Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ, trong đó điền đầy đủ thông tin về cá nhân và tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp nơi cá nhân hành nghề;</li><li>- Bản sao quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động của tổ chức đối với người có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp (trừ trường hợp người có Chứng chỉ đồng thời là người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó), xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực;</li><li>- Bản sao chụp chứng từ/bảng chứng về việc nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tổ chức hành chính quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (lệ phí đăng bạ)).</li></ul> <p>Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	14 ngày làm việc

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cá nhân
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	<i>Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i>
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	- Quyết định ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp;
Phí, lệ phí (nếu có)	Không quy định
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Tờ khai yêu cầu ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp, làm theo Mẫu số 05 tại Phụ lục I Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Cá nhân đủ điều kiện hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp yêu cầu ghi nhận là người đại diện sở hữu công nghiệp trong Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp phải đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 156 Luật Sở hữu trí tuệ.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15.</li> <li>- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.</li> <li>- Thông tư s số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy đgày 14 tháng 11 năm 2016 qộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp.</li> </ul>

<p><b>TỜ KHAI</b>  <b>YÊU CẦU GHI NHẬN</b>  <b>NGƯỜI ĐẠI DIỆN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP</b></p> <p>Kính gửi<sup>15</sup>: .....</p> <p>Người nộp đơn dưới đây yêu cầu ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp<sup>16</sup></p>	<p><b>Mã hồ sơ thủ tục hành chính:</b></p> <p><b>Số đơn:</b></p> <p><b>Ngày nộp đơn:</b></p>
--	--

**(I) NGƯỜI NỘP ĐƠN**

(Cá nhân yêu cầu ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp)

- (1) Tên đầy đủ:
- (2) Địa chỉ:
- (3) Số căn cước:
- (4) Điện thoại:
- (5) E-mail:
- (6) Số Chứng chỉ hành nghề:
- (7) Cơ quan cấp:

**(II) NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ**

Đề nghị ghi nhận vào tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Tên tổ chức:

Mã số đại diện:

<b>(III) PHÍ, LỆ PHÍ</b>	
Loại phí, lệ phí	Số tiền
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp	
<input type="checkbox"/> Lệ phí đăng bạ quyết định ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp	
<b>Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:</b>	
(Nộp kèm theo Bản sao chụp chứng từ/bằng chứng về việc nộp phí, lệ phí theo quy định)	
<b>(IV) CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b>	<b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b>

<sup>15</sup> Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

<sup>16</sup> Trong Tờ khai này, người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông  nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

<input type="checkbox"/> Tờ khai theo mẫu <input type="checkbox"/> Bản sao quyết định tuyển dụng/hợp đồng lao động của Tổ chức với người có chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp <input type="checkbox"/> Bản chính để đối chiếu	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ và tổ chức hành chính quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (lệ phí đăng bạ))	<input type="checkbox"/> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin-left: auto; margin-right: auto;">Cán bộ nhận đơn</div>

**(V) CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN**

Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Khai tại: .....ngày ... tháng ... năm ...*

Chữ ký, họ tên người nộp đơn

## 9. Thủ tục ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ  Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp yêu cầu ghi nhận các thay đổi liên quan đến thông tin đã được ghi nhận trong Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp (bao gồm tên đầy đủ, tên giao dịch, tên viết tắt, địa chỉ của tổ chức, lĩnh vực kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, họ tên và số Chứng chỉ của người đại diện sở hữu công nghiệp hành nghề trong tổ chức) nộp 01 bộ hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương).</p> <p>Bước 2: Thẩm định hồ sơ  Trong thời hạn 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ yêu cầu ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xem xét hồ sơ theo trình tự như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi quyết định ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp cho người nộp đơn, đồng thời gửi cho cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp để ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp theo quy định và công bố thông tin về việc ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan đó trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định;</li> <li>- Trường hợp đơn không hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thông báo các thiếu sót của hồ sơ và ấn định thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để người nộp đơn sửa chữa thiếu sót;</li> <li>- Trường hợp người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, trong thời hạn 16 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn 30 ngày nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định từ chối ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp cho người nộp đơn, trong đó nêu rõ lý do từ chối.</li> </ul>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia;</li> <li>- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.</li> </ul>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai yêu cầu ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 06 tại Phụ lục I Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ</li> <li>- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được sửa đổi của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp trong trường hợp thay đổi tên, địa chỉ (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực). Cơ</li> </ul>

	<p>quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.</p> <p>- Bản sao chứng từ/bằng chứng về việc nộp phí, lệ phí theo quy định (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tổ chức hành chính quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (lệ phí đăng bạ)).</p> <p>Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	16 ngày làm việc
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	- Quyết định ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp;
Phí, lệ phí (nếu có)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000đ;</li> <li>- Lệ phí công bố Quyết định ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn);</li> <li>- Lệ phí đăng bạ Quyết định ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn).</li> </ul>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Tờ khai yêu cầu ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp Mẫu số 06 tại Phụ lục I Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15.</li> <li>- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.</li> </ul>



<p><b>TỜ KHAI</b>  <b>YÊU CẦU GHI NHẬN</b>  <b>THAY ĐỔI THÔNG TIN CỦA TỔ CHỨC DỊCH VỤ</b>  <b>ĐẠI DIỆN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP</b></p> <p>Kính gửi<sup>17</sup>: .....</p> <p>Người nộp đơn dưới đây yêu cầu ghi nhận sửa đổi thông tin về Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp<sup>18</sup></p>	<p><b>Mã hồ sơ thủ tục hành chính:</b></p> <p><b>Số đơn:</b></p> <p><b>Ngày nộp đơn:</b></p>
--	--

**(I) NGƯỜI NỘP ĐƠN**

(Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp yêu cầu ghi nhận thay đổi thông tin)

(1) Tên đầy đủ:

(2) Địa chỉ:

(3) Mã số thuế:

(4) Mã số doanh nghiệp:

(5) Điện thoại:

(6) E-mail:

(7) Mã số đại diện:

**(II) THÔNG TIN CẦN THAY ĐỔI VỀ TỔ CHỨC DỊCH VỤ ĐẠI DIỆN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí

Nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, chống cạnh tranh không lành mạnh, bí mật kinh doanh

Người đại diện sở hữu công nghiệp hành nghề trong tổ chức:

Họ tên:

Số Chứng chỉ:

Cơ quan cấp:

<sup>17</sup> Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

<sup>18</sup> Trong Tờ khai này, người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông  nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

<b>(III) PHÍ, LỆ PHÍ</b>	
<b>Loại phí, lệ phí</b>	<b>Số tiền</b>
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu sửa đổi thông tin về tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
<input type="checkbox"/> Lệ phí đăng bạ quyết định sửa đổi thông tin về tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
<b>Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:</b>	
(Nộp kèm theo Bản sao chụp chứng từ/bảng chứng về việc nộp phí, lệ phí theo quy định)	
<b>(IV) CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b>	<b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b> <i>(Dành cho cán bộ nhận đơn)</i>
<input type="checkbox"/> Tờ khai theo mẫu <input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ và tổ chức hành chính quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (lệ phí đăng bạ)) <input type="checkbox"/> Tài liệu khác	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin-left: auto; margin-right: auto;"> Cán bộ nhận đơn  <i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i> </div>

**(V) CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN**

Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Khai tại: .....ngày ... tháng ... năm ...*

Chữ ký, họ tên người nộp đơn

*(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)*

## 10. Thủ tục xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ</p> <p>Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp làm thủ tục xóa tên trong Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đến <i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i>).</p> <p>Bước 2: Thẩm định hồ sơ</p> <p>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét hồ sơ theo trình tự sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn <i>16 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân <i>tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i> ra quyết định xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.</li><li>+ Ủy ban nhân dân <i>tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i> gửi quyết định xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp cho người nộp hồ sơ, đồng thời gửi đến <i>cơ quan</i> quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp để ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp theo quy định;</li><li>- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn <i>16 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân <i>tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i> ra thông báo các thiếu sót của hồ sơ và ấn định thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để người nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót;</li><li>+ Trường hợp người nộp hồ sơ không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, trong thời hạn <i>16 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu trên, Ủy ban nhân dân <i>tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i> ra quyết định từ chối xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, trong đó nêu rõ lý do từ chối.</li><li>- Ủy ban nhân dân <i>tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i> công bố thông tin về việc xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp trên Công thông tin điện tử của <i>cơ quan</i> đó trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày ra quyết định.</li></ul>
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"><li>- <i>Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia;</i></li><li>- <i>Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.</i></li></ul>
Thành phần, số lượng hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tờ khai yêu cầu xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp theo Mẫu 07 tại Phụ lục I Nghị định số 100 /2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ;</li><li>- Bản sao chứng từ/<i>bằng chứng về việc</i> nộp phí, lệ phí theo quy định (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ thuộc Ủy ban nhân dân <i>tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i> và <i>tổ chức hành chính</i> quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (lệ phí đăng bạ)).</li><li>- Tài liệu chứng minh đã hoàn thành các nghĩa vụ với khách hàng.</li></ul> <p>Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	<i>16 ngày làm việc</i>
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	<i>Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i>
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	- Quyết định quyết định xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp;
Phí, lệ phí (nếu có)	- Lệ phí công bố Quyết định xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn); - Lệ phí đăng bạ Quyết định xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn); - Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000đ.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Tờ khai yêu cầu xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp Mẫu 07 tại Phụ lục I Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ;
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp làm thủ tục xóa tên trong Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp trong các trường hợp sau đây: - Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp từ bỏ, chấm dứt kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp; - Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp không còn đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 154 Luật Sở hữu trí tuệ;
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.

<p><b>TỜ KHAI</b>  <b>YÊU CẦU XOÁ TÊN TỔ CHỨC DỊCH VỤ</b>  <b>ĐẠI DIỆN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP</b></p> <p>Kính gửi<sup>19</sup>: .....</p> <p>Người nộp đơn dưới đây yêu cầu xoá tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp<sup>20</sup></p>	<p><b>Mã hồ sơ thủ tục hành chính:</b></p> <p><b>Số đơn:</b></p> <p><b>Ngày nộp đơn:</b></p>
--	--

**(I) NGƯỜI NỘP ĐƠN**

(Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp yêu cầu xoá tên)

(1) Tên đầy đủ:

(2) Địa chỉ:

(3) Mã số thuế:

(4) Mã số doanh nghiệp:

(5) Điện thoại:

(6) E-mail:

(7) Mã số đại diện:

**(II) LÝ DO ĐỀ NGHỊ XÓA TÊN**

Từ bỏ, chấm dứt kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

Không còn đáp ứng đầy đủ các điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

<b>(III) PHÍ, LỆ PHÍ</b>	
<b>Loại phí, lệ phí</b>	<b>Số tiền</b>
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu xoá tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
<input type="checkbox"/> Lệ phí đăng bạ quyết định xoá tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
<b>Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:</b>	
(Nộp kèm theo Bản sao chụp chứng từ/bảng chứng về việc nộp phí, lệ phí theo quy định)	
<b>(IV) CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b>	
<b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b>	
<input type="checkbox"/> Tờ khai theo mẫu	<input type="checkbox"/>

<sup>19</sup> Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

<sup>20</sup> Trong Tờ khai này, người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông  nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ và tổ chức hành chính quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (lệ phí đăng bạ))

Tài liệu chứng minh đã hoàn thành các nghĩa vụ với khách hàng.

Cán bộ nhận đơn

### **(V) CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN**

Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Khai tại: ..... ngày ... tháng ... năm ...*

Chữ ký, họ tên người nộp đơn  
*(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)*

## 11. Thủ tục xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ Người đại diện sở hữu công nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương).</p> <p>Bước 2: Thẩm định hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp.</li><li>+ Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi quyết định xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp cho người nộp hồ sơ, đồng thời gửi đến cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp để ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp theo quy định;</li><li>- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thông báo các thiếu sót của hồ sơ và ấn định thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để người nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót;</li><li>+ Trường hợp người nộp hồ sơ không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, trong thời hạn 16 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định từ chối xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp, trong đó nêu rõ lý do từ chối.</li><li>- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương công bố thông tin về việc xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan đó trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định.</li></ul>
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"><li>- Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia;</li><li>- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</li></ul>
Thành phần, số lượng hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tờ khai yêu cầu xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 08 tại Phụ lục I Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ;</li><li>- Tài liệu chứng minh người được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp không đáp ứng điều kiện hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 155 của Luật Sở hữu trí tuệ (quyết định chấm dứt hợp đồng lao động hoặc các tài liệu khác);</li><li>- Bản sao chứng từ/bằng chứng về việc nộp phí, lệ phí theo quy định (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tổ chức hành chính quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (lệ phí đăng bạ)).</li></ul> <p>Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	16 ngày làm việc
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cá nhân

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân <i>tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i>
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	- Quyết định quyết định xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp; - Quyết định từ chối xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp.
Phí, lệ phí (nếu có)	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đ; - Lệ phí đăng bạ Quyết định xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn); - Lệ phí công bố Quyết định xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn).
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Tờ khai yêu cầu xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp Mẫu số 08 tại Phụ lục I <i>Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ</i> ;
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Người đại diện sở hữu công nghiệp phải làm thủ tục xóa tên trong Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp khi không còn đáp ứng điều kiện hành nghề theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 155 Luật Sở hữu trí tuệ.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Sở hữu trí tuệ số <a href="#">50/2005/QH11</a> được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số <a href="#">36/2009/QH12</a> , Luật số <a href="#">42/2019/QH14</a> , Luật số <a href="#">07/2022/QH15</a> ; <i>Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15</i> . - Nghị định số <a href="#">65/2023/NĐ-CP</a> ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi <i>Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ</i> . - Thông tư số <a href="#">263/2016/TT-BTC</a> ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số <a href="#">31/2020/TT-BTC</a> ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số <a href="#">63/2023/TT-BTC</a> ngày 16 tháng 10 năm 2023.

<p><b>TỜ KHAI</b>  <b>YÊU CẦU XÓA TÊN</b>  <b>NGƯỜI ĐẠI DIỆN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP</b></p> <p>Kính gửi<sup>21</sup>: .....</p> <p>Người nộp đơn dưới đây yêu cầu xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp<sup>22</sup></p>	<p><b>Mã hồ sơ thủ tục hành chính:</b></p> <p><b>Số đơn:</b></p> <p><b>Ngày nộp đơn:</b></p>
--	--

**(I) NGƯỜI NỘP ĐƠN**

(Người đại diện sở hữu công nghiệp yêu cầu ghi nhận xóa tên)

1) Tên đầy đủ:

(2) Địa chỉ:

(3) Số căn cước:

(4) Điện thoại:

(5) E-mail:

(6) Số Chứng chỉ hành nghề:

(7) Cơ quan cấp:

**(II) LÝ DO ĐỀ NGHỊ XÓA TÊN**

Không còn hoạt động cho tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Mã số đại diện (nếu có):

**(III) PHÍ, LỆ PHÍ**

Loại phí, lệ phí	Số tiền
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu xóa người đại diện sở hữu công nghiệp	
<input type="checkbox"/> Lệ phí đăng bạ quyết định xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp	
<b>Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:</b>	
(Nộp kèm theo Bản sao chụp chứng từ/bằng chứng về việc nộp phí, lệ phí theo quy định)	
<b>(IV) CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b>	<b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b>
<input type="checkbox"/> Tờ khai theo mẫu	<input type="checkbox"/>

<sup>21</sup> Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

<sup>22</sup> Trong Tờ khai này, người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông  nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

Tài liệu chứng minh người được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp không đáp ứng điều kiện hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ và tổ chức hành chính quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (lệ phí đăng bạ))

Cán bộ nhận đơn

### **(V) CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN**

Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Khai tại: ..... ngày ... tháng ... năm ...*

Chữ ký, họ tên người nộp đơn

## 12. Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ</p> <p>Cá nhân đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký dự kiểm tra <i>đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i>).</p> <p>Bước 2: Thẩm định hồ sơ</p> <p>Hồ sơ đăng ký dự kiểm tra được Ủy ban nhân dân <i>tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i> xử lý trong thời hạn 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ theo trình tự như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân <i>tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i> thông báo cho người nộp hồ sơ về việc đủ điều kiện tham dự kỳ kiểm tra, đồng thời thông báo về dự kiến thời gian, địa điểm, lịch kiểm tra;</li><li>- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Ủy ban nhân dân <i>tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i> thông báo các thiếu sót của hồ sơ và ấn định thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để người nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót;</li><li>- Trường hợp người nộp hồ sơ không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, Ủy ban nhân dân <i>tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i> ra quyết định từ chối chấp nhận đơn đăng ký dự kiểm tra, trong đó nêu rõ lý do từ chối.</li></ul>
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"><li>- <i>Thực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia;</i></li><li>- <i>Thực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.</i></li></ul>
Thành phần, số lượng hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tờ khai đăng ký dự kiểm tra theo Mẫu số 09 tại Phụ lục I Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ;</li><li>- Bản sao bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương quy định tại điểm c khoản 2 Điều 155 của Luật Sở hữu trí tuệ. <i>Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính;</i></li><li>- Bản sao giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp <i>theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực); hoặc bản sao quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động và tài liệu khác (có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi công tác) chứng minh thời gian ít nhất 05 năm trực tiếp làm công tác thẩm định đơn đăng ký sở hữu công nghiệp tại cơ quan quốc gia hoặc quốc tế về sở hữu công nghiệp hoặc công tác pháp luật về sở hữu công nghiệp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 155 của Luật Sở hữu trí tuệ,</li></ul>

	<p>bao gồm công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm sát, xét xử, pháp chế, tư vấn pháp luật, quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp; nghiên cứu khoa học (có chức danh nghiên cứu viên) và giảng dạy về sở hữu công nghiệp (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực);</p> <p>- Ảnh chân dung của người đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp cỡ 3 x 4 (cm) (trong trường hợp nộp hồ sơ giấy thì phải nộp 02 ảnh);</p> <p>- Bản sao chứng từ/ bằng chứng về việc nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ về quyền sở hữu công nghiệp).</p> <p>Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	13 ngày làm việc
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cá nhân
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	- Thông báo đủ điều kiện tham dự kỳ kiểm tra;
Phí, lệ phí (nếu có)	<p>- Phí thẩm định hồ sơ kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp (mỗi môn): 300.000 đ</p> <p>- Phí phúc tra kiểm tra kết quả nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp (mỗi môn): 150.000 đ</p>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Tờ khai đăng ký dự kiểm tra Mẫu số 09 tại Phụ lục I Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Cá nhân đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại các điểm từ a đến đ khoản 2 Điều 155 của Luật Sở hữu trí tuệ được đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp theo quy định.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	<p>- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15.</p> <p>- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.</p>

<p><b>TỜ KHAI</b>  <b>ĐĂNG KÝ DỰ KIỂM TRA NGHIỆP VỤ</b>  <b>ĐẠI DIỆN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP</b></p> <p>Kính gửi<sup>23</sup>: .....</p> <p>Người nộp đơn dưới đây đề nghị được tham dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp<sup>24</sup></p>	<p><b>Mã hồ sơ thủ tục hành chính:</b></p> <p><b>Số đơn:</b></p> <p><b>Ngày nộp đơn:</b></p>
--	--

**(I) NGƯỜI NỘP ĐƠN**

(Cá nhân đề nghị tham dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp)

- (1) Tên đầy đủ:
- (2) Địa chỉ:
- (3) Số căn cước:
- (4) Điện thoại:
- (5) Email:
- (6) Số văn bằng cử nhân (hoặc tương đương để tra cứu):

**(II) LĨNH VỰC HÀNH NGHỀ ĐĂNG KÝ DỰ KIỂM TRA**

- Sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí
- Nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, chống cạnh tranh không lành mạnh, bí mật kinh doanh

<b>(III) PHÍ, LỆ PHÍ</b>	
Loại phí, lệ phí	Số tiền
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định hồ sơ kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp (theo môn)	
<input type="checkbox"/> Môn số 1: .....	
<input type="checkbox"/> Môn số 2: .....	
<input type="checkbox"/> Môn số 3: .....	
<input type="checkbox"/> Môn số 4: .....	
<input type="checkbox"/> Môn số 5: .....	
<b>Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:</b>	

<sup>23</sup> Tên cơ quan tiếp nhận.

<sup>24</sup> Trong Tờ khai này, Người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông  nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.



### 13. Thủ tục cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ</p> <p>Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương).</p> <p>Bước 2: Thẩm định hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp, trong đó ghi rõ họ tên, ngày sinh, địa chỉ thường trú, số căn cước, số Thẻ giám định và chuyên ngành giám định của người được cấp Thẻ. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi quyết định cấp Thẻ và Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp cho người nộp hồ sơ, đồng thời gửi quyết định cấp đến cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp để ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp;</li><li>- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 16 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, trong đó nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để người yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính;</li><li>- Trường hợp người yêu cầu cấp Thẻ giám định viên không sửa chữa thiếu sót hoặc không có ý kiến phản đối hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, ý kiến phản đối không xác đáng, trong thời hạn 16 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định từ chối chấp cấp Thẻ giám định viên, trong đó nêu rõ lý do từ chối;</li><li>- Trường hợp phát hiện người nộp đơn đồng thời đang nộp yêu cầu cấp, cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp ở cơ quan khác mà chưa có kết quả, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thông báo từ chối cấp hoặc cấp lại thẻ Giám định viên sở hữu công nghiệp, trong đó nêu rõ lý do từ chối.</li></ul> <p>Bước 3: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương công bố thông tin về quyết định cấp thẻ Giám định viên về sở hữu công nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan đó trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định.</p>
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"><li>- Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia;</li><li>- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.</li></ul>
Thành phần, số lượng hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tờ khai yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp làm theo Mẫu số 10 tại Phụ lục I Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ</li><li>- Ảnh chân dung của người yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp cỡ 3 x 4 (cm) (trong trường hợp nộp hồ sơ giấy thì phải nộp 02 ảnh);</li></ul>

	<p>- Bản sao bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học các ngành khoa học tự nhiên hoặc khoa học kỹ thuật đối với chuyên ngành giám định sáng chế và thiết kế bố trí hoặc bản sao bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học ngành bất kỳ đối với các chuyên ngành giám định khác. Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản để yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do;</p> <p>- Giấy xác nhận quá trình công tác (do cơ quan, tổ chức nơi người đó đã công tác cấp);</p> <p>- Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí theo quy định (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tổ chức hành chính quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (lệ phí đăng bạ));</p> <p>Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	08 ngày làm việc
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cá nhân
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	<p>- Quyết định cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp;</p> <p>- Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 11 tại Phụ lục I Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ</p>
Phí, lệ phí (nếu có)	Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp: 250.000 đ
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Tờ khai yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp Mẫu số 10 tại Phụ lục I Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	<p>Cá nhân đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ thì được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp mới một lần duy nhất Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp nếu có yêu cầu và nộp phí, lệ phí theo quy định. Các điều kiện để được cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp quy định tại khoản 3 Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ được hiểu như sau:</p> <p>- Điều kiện “Thường trú tại Việt Nam” được hiểu là có nơi thường trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về cư trú;</p> <p>- Điều kiện “Có phẩm chất đạo đức tốt” được hiểu là không bị xử lý vi phạm hành chính do vi phạm pháp luật về sở hữu công nghiệp hoặc về hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp và không thuộc diện bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xoá án tích;</p> <p>- Điều kiện “Có trình độ đại học trở lên về chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp Thẻ giám định” được hiểu là có bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học các ngành khoa học tự nhiên hoặc khoa học</p>

	<p>kỹ thuật đối với chuyên ngành giám định sáng chế và thiết kế bố trí; có bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học ngành bất kỳ đối với các chuyên ngành giám định khác;</p> <p>- Điều kiện “Đã qua thực tế hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực đề nghị cấp thẻ giám định viên sở hữu trí tuệ từ 05 năm trở lên” được hiểu là đã trực tiếp làm công tác giải quyết tranh chấp, khiếu nại, thanh tra, kiểm tra, pháp chế, tư vấn pháp luật về sở hữu công nghiệp, nghiên cứu khoa học có chức danh nghiên cứu viên, giảng dạy về sở hữu công nghiệp có chức danh giảng viên từ 05 năm trở lên, hoặc những người đã trực tiếp làm công tác giải thích, hướng dẫn thi hành các quy định pháp luật, xây dựng quy chế, trực tiếp thực hiện hoặc xét duyệt kết quả thẩm định nội dung đơn đăng ký sáng chế (gồm cả giải pháp hữu ích), hoặc đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp, hoặc đơn đăng ký nhãn hiệu hoặc đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý (gồm cả tên gọi xuất xứ hàng hoá) tại các cơ quan sở hữu công nghiệp quốc gia hoặc quốc tế từ 05 năm trở lên, hoặc những người đã hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp từ 05 năm trở lên.</p>
<p>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính</p>	<p>- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15.</p> <p>- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và bởi Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.</p>

<p><b>TỜ KHAI</b> <b>YÊU CẦU CẤP THẺ</b> <b>GIÁM ĐỊNH VIÊN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP</b> Kính ..... gửi<sup>25</sup>:</p>	<p><b>Mã hồ sơ thủ tục hành chính:</b></p> <p><b>Số đơn:</b></p> <p><b>Ngày nộp đơn:</b></p>
<p>Người nộp đơn dưới đây yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp<sup>26</sup></p>	

**(I) NGƯỜI NỘP ĐƠN**

(Cá nhân nộp đơn yêu cầu cấp thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp)

- (1) Tên đầy đủ:
- (2) Địa chỉ:
- (3) Số căn cước:
- (4) Điện thoại:
- (5) Email:
- (6) Số văn bằng cử nhân (hoặc tương đương để tra cứu):

**(II) CHUYÊN NGÀNH GIÁM ĐỊNH**

- Sáng chế và thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn
- Kiểu dáng công nghiệp
- Nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý
- Các quyền sở hữu công nghiệp khác

**(III) PHÍ, LỆ PHÍ**

Loại phí, lệ phí	Số tiền
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	
<input type="checkbox"/> Phí, lệ phí khác:	
<b>Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:</b>	

(Nộp kèm theo Bản sao chụp chứng từ/bảng chứng về việc nộp phí, lệ phí theo quy định)

(IV) CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN	KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU	
<input type="checkbox"/> Tờ khai theo mẫu	<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/> 02 ảnh cỡ 3 x 4 cm	<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/> Giấy xác nhận quá trình công tác	<input type="checkbox"/>	Cán bộ nhận đơn
<input type="checkbox"/> Giấy Chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo nghiệp vụ giám định về sở hữu công nghiệp (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực)	<input type="checkbox"/>	
	<input type="checkbox"/>	

<sup>25</sup> Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

<sup>26</sup> Trong Tờ khai này, người yêu cầu đánh dấu "x" vào ô vuông  nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

**(V) CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘ ĐƠN**

Tôi cam đoan đây là lần đầu tiên yêu cầu cấp mới thẻ Giám định viên sở hữu công nghiệp. Tôi xin cam đoan các thông tin, tài liệu trong đơn là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Khai tại: ..... ,ngày ... tháng ... năm...*

Chữ ký, họ tên người nộp đơn

## 14. Thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ</p> <p>Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp đến <i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i>.</p> <p>Bước 2: Thẩm định hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp, trong đó ghi rõ họ tên, ngày sinh, địa chỉ thường trú, số căn cước, số Thẻ giám định và chuyên ngành giám định của người được cấp Thẻ. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi quyết định cấp lại Thẻ và Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp cho người nộp hồ sơ, đồng thời gửi quyết định cấp đến <i>tổ chức hành chính</i> quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp để ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp;</li><li>- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 16 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, trong đó nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để người yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính;</li><li>- Trường hợp người yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên không sửa chữa thiếu sót hoặc không có ý kiến phản đối hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, ý kiến phản đối không xác đáng, trong thời hạn 16 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định từ chối chấp cấp Thẻ giám định viên, trong đó nêu rõ lý do từ chối;</li><li>- Trong trường hợp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp bị lỗi do cơ quan cấp gây ra, cơ quan đó có trách nhiệm cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của người được cấp Thẻ và không thu phí, lệ phí.</li></ul> <p>Bước 3: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương công bố thông tin về quyết định cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định.</p>
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"><li>- Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia;</li><li>- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.</li></ul>
Thành phần, số lượng hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tờ khai yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 12 tại Phụ lục I Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ;</li><li>- Ảnh chân dung của người yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp cỡ 3 x 4 (cm) (trong trường hợp nộp hồ sơ giấy thì phải nộp 02 ảnh);</li></ul>

	<p>- Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí theo quy định (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và <i>tổ chức hành chính</i> quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (lệ phí đăng bạ)).</p> <p>Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	<i>16 ngày làm việc</i>
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cá nhân
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân <i>tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i>
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp;</li> <li>- Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp (bản cấp lại).</li> </ul>
Phí, lệ phí (nếu có)	Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Tờ khai yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp, Mẫu số 12 tại <i>Phụ lục I Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp bị mất, bị lỗi, bị hỏng (rách, bẩn, phai mờ...) đến mức không sử dụng được;</li> <li>- Có sự thay đổi về thông tin đã được ghi nhận trong Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp.</li> </ul>
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Sở hữu trí tuệ số <i>50/2005/QH11</i> được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số <i>36/2009/QH12</i>, Luật số <i>42/2019/QH14</i>, Luật số <i>07/2022/QH15</i>; Luật số <i>93/2025/QH15</i> và Luật số <i>131/2025/QH15</i>.</li> <li>- <i>Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023</i> được sửa đổi bổ sung bởi <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i> và bởi <i>Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ</i>.</li> <li>- Thông tư số <i>263/2016/TT-BTC</i> ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số <i>31/2020/TT-BTC</i> ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số <i>63/2023/TT-BTC</i> ngày 16 tháng 10 năm 2023.</li> </ul>

<p><b>TỜ KHAI</b> <b>YÊU CẦU CẤP LẠI THẺ</b> <b>GIÁM ĐỊNH VIÊN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP</b></p> <p>Kính gửi<sup>27</sup>: .....</p> <p>Người nộp đơn dưới đây yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp<sup>28</sup></p>	<p><b>Mã hồ sơ thủ tục hành chính:</b></p> <p><b>Số đơn:</b></p> <p><b>Ngày nộp đơn:</b></p>
--	--

**(I) NGƯỜI NỘP ĐƠN**

(Cá nhân nộp đơn yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp)

(1) Tên đầy đủ:

(2) Địa chỉ:

(3) Số căn cước:

(4) Điện thoại :

(5) Email:

(6) Số Thẻ giám định viên:

(7) Cơ quan cấp:

**(II) LÝ DO CẤP LẠI THẺ**

Thẻ bị mất

Thẻ bị lỗi

Thẻ bị hỏng

Thông tin cá nhân ghi nhận trong Thẻ thay đổi:

Bổ sung chuyên ngành giám định:

<b>(III) PHÍ, LỆ PHÍ</b>	
<b>Loại phí, lệ phí</b>	<b>Số tiền</b>
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	
<input type="checkbox"/> Phí, lệ phí khác:	
<b>Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:</b>	
(Nộp kèm theo Bản sao chụp chứng từ/bằng chứng về việc nộp phí, lệ phí theo quy định)	
<b>(IV) CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b>	<b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b>
<input type="checkbox"/> Tờ khai theo mẫu	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> 02 ảnh cỡ 3 x 4 cm	<input type="checkbox"/>
	<input type="checkbox"/>

<sup>27</sup> Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

<sup>28</sup> Trong Tờ khai này, người yêu cầu đánh dấu "x" vào ô vuông  nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp; Trường hợp yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên thì chỉ phải khai những thông tin liên quan đến lý do yêu cầu cấp lại Thẻ.

Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận và tổ chức hành chính quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (phí đăng bạ))

Cán bộ nhận đơn

**(V) CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN**

Tôi xin cam đoan các thông tin, tài liệu trong đơn là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Khai tại: ..... ,ngày ... tháng ... năm...*

Chữ ký, họ tên người nộp đơn

## 15. Thủ tục thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ</p> <p>Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp đến <i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i>).</p> <p>Bước 2: Thẩm định hồ sơ</p> <p>Trình tự thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp được thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Trường hợp tổ chức, cá nhân có yêu cầu thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp trên cơ sở Hồ sơ yêu cầu thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp được nộp cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trong thời hạn 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thông báo bằng văn bản về yêu cầu này cho người được cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp và ấn định thời hạn là 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để người đó có ý kiến;</li><li>+ Trên cơ sở xem xét ý kiến của các bên, trong thời hạn 16 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn phản hồi thông báo của người được cấp thẻ nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định thu hồi hoặc từ chối thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp và gửi cho các bên;</li><li>- Trường hợp có căn cứ khẳng định người được cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thông báo bằng văn bản về dự định thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp cho người được cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp và ấn định thời hạn là 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để người đó có ý kiến. Trên cơ sở xem xét ý kiến của người được cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp, trong thời hạn 16 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn phản hồi thông báo của người được cấp Chứng chỉ hành nghề nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp hoặc thông báo không thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp cho người được cấp.</li><li>- Trường hợp người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thông báo bằng văn bản về việc Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp được cấp không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái pháp luật, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định nói trên, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp.</li><li>- Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi quyết định đến cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp để ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về giám định sở hữu công nghiệp và công bố thông tin về quyết định thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan đó trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định.</li></ul>
Cách thức thực hiện	- Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia;

	- <i>Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	- Đơn yêu cầu thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp: - <i>Chứng cứ chứng minh căn cứ đề nghị thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp trừ trường hợp cá nhân được cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp từ bỏ hoạt động giám định.</i> Số lượng hồ sơ: 01 bộ
Thời hạn giải quyết	<i>16 ngày làm việc</i>
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	<i>Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i>
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	- <i>Quyết định thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp.</i>
Phí, lệ phí (nếu có)	Không quy định
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	<i>Đơn yêu cầu thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp, theo Mẫu số 35 Phụ lục I Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp bị thu hồi trong các trường hợp sau đây: - Có chứng cứ khẳng định rằng Thẻ giám định viên được cấp trái với quy định pháp luật; - Cá nhân được cấp Thẻ giám định viên không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ; - Cá nhân được cấp Thẻ giám định viên từ bỏ hoạt động giám định; - Cá nhân được cấp Thẻ giám định viên bị xử phạt bằng hình thức thu hồi Thẻ giám định viên theo quyết định của cơ quan <i>nhà nước</i> có thẩm quyền; - <i>Trường hợp hồ sơ yêu cầu cấp/cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp được nộp một cách cố ý đến các cơ quan có thẩm quyền cấp cùng một thời điểm và đã được cơ quan đó cấp/cấp lại nhiều hơn 01 lần, mọi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp liên quan sẽ bị thu hồi.</i>
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Sở hữu trí tuệ số <i>50/2005/QH11</i> được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số <i>36/2009/QH12</i> , Luật số <i>42/2019/QH14</i> , Luật số <i>07/2022/QH15</i> ; Luật số <i>93/2025/QH15</i> và Luật số <i>131/2025/QH15</i> . - Nghị định số <i>65/2023/NĐ-CP</i> ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số <i>100/2026/NĐ-CP</i> ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN YÊU CẦU THU HỒI THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN/GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**

Kính gửi<sup>1</sup>: .....

**(I) Người làm đơn:**

(1) Tên tổ chức/cá nhân:

(2) Địa chỉ:

(3) Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập (*đối với các tổ chức khác*) hoặc Số Căn cước (*trường hợp người làm đơn là cá nhân*):

(4) Điện thoại:.....

(5) E-mail:.....

**(II) Thông tin về Thẻ giám định viên/Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp bị đề nghị thu hồi:**

(1) Tên tổ chức/cá nhân:

(2) Số thẻ giám định viên/số Giấy chứng nhận:

(3) Ngày cấp:

**(III) Căn cứ đề nghị thu hồi Thẻ giám định viên/Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp:**

**(IV) Cam kết**

(Tổ chức, cá nhân)..... cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Khai tại: ... ngày... tháng ... năm ...*

**Người làm đơn**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)*

---

<sup>1</sup> Tên cơ quan cấp Thẻ giám định viên/Giấy chứng nhận.

## 16. Thủ tục cấp phó bản văn bằng bảo hộ, cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ</p> <p>Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu cấp phó bản văn bằng bảo hộ, cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương).</p> <p>Bước 2: Thẩm định hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Trường hợp đơn hợp lệ, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận yêu cầu, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định cấp phó bản văn bằng bảo hộ, cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ;</li><li>- Nội dung phó bản văn bằng bảo hộ thể hiện đầy đủ các thông tin của văn bằng bảo hộ tương ứng và phải kèm theo chỉ dẫn “Phó bản”. Nội dung bản cấp lại của văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ thể hiện đầy đủ các thông tin của văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ được cấp đang có hiệu lực và các thông tin sửa đổi, bổ sung liên quan đến văn bằng cho đến thời điểm cấp lại và phải kèm theo chỉ dẫn “Bản cấp lại”;</li></ul> <p>Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi thông tin về quyết định cấp phó bản văn bằng bảo hộ, quyết định cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ đến tổ chức hành chính quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được thông tin, tổ chức hành chính quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp công bố việc cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ trên Công báo Sở hữu công nghiệp và ghi nhận vào mục đăng bạ của văn bằng bảo hộ tương ứng trong Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp theo quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Trường hợp đơn không hợp lệ, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận yêu cầu, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra thông báo và ấn định thời hạn 60 ngày kể từ ngày ra thông báo để người nộp đơn sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Thời gian dành cho người nộp đơn sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối không tính vào thời hạn xử lý đơn;</li><li>- Trường hợp chủ văn bằng bảo hộ không sửa chữa thiếu sót hoặc không có ý kiến phản đối hoặc sửa chữa thiếu sót/phản đối không đạt yêu cầu, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu tại điểm c khoản này, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định từ chối cấp phó bản văn bằng bảo hộ, quyết định từ chối cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ, trong đó nêu rõ lý do từ chối;</li><li>- Trường hợp văn bằng bảo hộ đã bị chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực hoặc hết thời hạn bảo hộ theo quy định, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thông báo chấm dứt xử lý yêu cầu cấp phó bản văn bằng bảo hộ, cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ.</li><li>- Trường hợp phát hiện người nộp đơn đồng thời đang nộp yêu cầu cấp lại, cấp phó bản đối với văn bằng bảo hộ nêu trong đơn ở cơ quan khác mà chưa có kết quả, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc</li></ul>
--------------------	---

	trung ương thông báo chấm dứt xử lý yêu cầu cấp phó bản văn bằng bảo hộ, cấp lại văn bằng bảo hộ, phó bản văn bằng bảo hộ
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia;</i></li> <li>- <i>Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.</i></li> </ul>
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>Tổ chức, cá nhân yêu cầu cấp phó bản văn bằng bảo hộ, cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ phải nộp 01 bộ tài liệu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai yêu cầu cấp phó bản văn bằng bảo hộ, cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ <i>được làm theo Mẫu số 13 tại Phụ lục I Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ;</i></li> <li>- <i>Mẫu nhãn hiệu, bộ ảnh chụp hoặc bộ bản vẽ kiểu dáng công nghiệp trùng với mẫu nhãn hiệu, bộ ảnh chụp hoặc bản vẽ kiểu dáng công nghiệp trong văn bằng bảo hộ gốc (trong trường hợp nộp hồ sơ giấy thì phải nộp 02 mẫu nhãn hiệu);</i></li> <li>- Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực bản ủy quyền (trường hợp yêu cầu được nộp thông qua đại diện);</li> <li>- Bản sao chụp chứng từ/<i>bằng chứng</i> nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương <i>(đối với phí/lệ phí yêu cầu cấp phó bản văn bằng bảo hộ, cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ)</i> và tổ chức quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (phí đăng bạ và công bố)).</li> </ul>
Thời hạn giải quyết	30 ngày
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định cấp phó bản văn bằng bảo hộ, cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ;</li> <li>- Bản phó bản văn bằng bảo hộ, bản cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ.</li> </ul>
Phí, lệ phí (nếu có)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phí đăng bạ: 120.000 đồng/văn bằng</li> <li>- Phí công bố: 120.000 đồng/yêu cầu</li> </ul>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Tờ khai yêu cầu cấp phó bản văn bằng bảo hộ, cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ theo Mẫu số 13 tại Phụ lục I Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp quyền sở hữu công nghiệp thuộc sở hữu chung, văn bằng bảo hộ sẽ chỉ được cấp/<i>cấp lại</i> cho người đầu tiên trong danh sách những người nộp đơn chung. Các đồng chủ sở hữu khác có thể yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp phó bản văn bằng bảo hộ, <i>trừ trường hợp yêu cầu cấp phó bản đã được thể hiện trong tờ khai đăng ký đối tượng sở hữu công nghiệp</i>, với điều kiện phải nộp phí cấp phó bản;</li> <li>- Trường hợp văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ bị mất hoặc bị hỏng, rách, bản, phai mờ đến mức không sử dụng được, bị tháo rời</li> </ul>

	<p>không giữ được dấu niêm phong, chủ sở hữu quyền sở hữu công nghiệp đã được cấp văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ có thể nộp đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ, với điều kiện phải nộp phí tương ứng;</p> <p>- Trường hợp phát hiện mẫu nhãn hiệu trong Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu có chứa hình bản đồ Việt Nam nhưng không thể hiện hoặc thể hiện không đúng chủ quyền, biên giới quốc gia theo quy định của pháp luật về việc sử dụng hình bản đồ Việt Nam thì Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ để bảo đảm thể hiện đúng hình bản đồ Việt Nam mà không thu phí, lệ phí.</p>
<p>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15.</li> <li>- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.</li> <li>- Điểm 4.1 và 4.2 Mục B Phí sở hữu công nghiệp tại Biểu mức thu phí, lệ phí sở hữu công nghiệp (Ban hành kèm theo Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính).</li> </ul>

<p><b>TỜ KHAI</b></p> <p><b>YÊU CẦU CẤP PHÓ BẢN VĂN BẰNG BẢO HỘ,</b>  <b>CẤP LẠI VĂN BẰNG BẢO HỘ/</b>  <b>PHÓ BẢN VĂN BẰNG BẢO HỘ</b></p> <p>Kính gửi<sup>29</sup>: .....</p> <p>Người nộp đơn dưới đây yêu cầu cấp phó bản/cấp lại<sup>30</sup></p>	<p><b>Mã hồ sơ thủ tục hành chính:</b></p> <p><b>Số đơn:</b></p> <p><b>Ngày nộp đơn:</b></p>
--	--

**(I) ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÓ BẢN/CẤP LẠI**

*(Chỉ được chọn một trong các loại loại văn bằng bảo hộ)*

<input type="checkbox"/> Bằng độc quyền sáng chế <input type="checkbox"/> Bằng độc quyền giải pháp hữu ích <input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn <input type="checkbox"/> Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp <input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu <input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý	Số văn bằng bảo hộ:
---	---------------------

**NỘI DUNG YÊU CẦU**

- Cấp phó bản văn bằng bảo hộ (cho đồng chủ sở hữu)
- Cấp lại văn bằng bảo hộ (số lần đã được cấp:.....)
- Cấp lại phó bản văn bằng bảo hộ (Phó bản số:..... số lần đã được cấp:.....)

**Lý do xin cấp lại:**

- Văn bằng bảo hộ bị mất
- Văn bằng bảo hộ bị hỏng (rách, bản, phai mờ...)
- Lý do khác

**(II) NGƯỜI NỘP ĐƠN (Tổ chức, cá nhân yêu cầu cấp phó bản/cấp lại)<sup>31</sup>**

- (1) Tên đầy đủ:
- (2) Địa chỉ:
- (3) Mã quốc gia của địa chỉ:
- (4) Mã quốc tịch của người nộp đơn:

Loại hình:  Cá nhân/ Doanh nghiệp/ Viện nghiên cứu / Trường đại học / Khác

<sup>29</sup> Tên cơ quan quản tiếp nhận hồ sơ.

<sup>30</sup> Trong Tờ khai này, người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn đánh dấu “x” vào ô vuông  nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

<sup>31</sup> Mã quốc gia, Mã quốc tịch là mã hai chữ cái thể hiện tên quốc gia theo Tiêu chuẩn ST.3 của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới, ví dụ VN, US, JP.

**Trường hợp người nộp đơn là tổ chức/cá nhân Việt Nam:**

(5) Số căn cước (đối với cá nhân):

(6) Mã số thuế (đối với tổ chức):

(7) Mã quan hệ ngân sách (đối với các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước):

(8) Điện thoại:

(9) Email:

**(III) ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN** Là tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp được người nộp đơn ủy quyền, **Mã số đại diện:** Là văn phòng đại diện/chi nhánh tại Việt Nam của người nộp đơn là tổ chức Việt Nam Là văn phòng đại diện/chi nhánh/tổ chức 100% vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam của người nộp đơn là tổ chức nước ngoài Là người đại diện theo pháp luật của người nộp đơn là cá nhân Là cá nhân đại diện theo ủy quyền của người nộp đơn là cá nhân (không nhằm mục đích kinh doanh)

(1) Tên đầy đủ:

(2) Địa chỉ:

(3) Số căn cước (đối với cá nhân):

(4) Mã số thuế (đối với tổ chức):

(5) Điện thoại:

(6) Email:

<b>(IV) PHÍ, LỆ PHÍ</b>		ĐVT: Nghìn đồng		
<b>Loại phí, lệ phí</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Mức thu</b>	<b>Số tiền</b>
<input type="checkbox"/> Phí cấp phó bản/cấp lại văn bằng bảo hộ	văn bằng bảo hộ			
<input type="checkbox"/> Văn bằng bảo hộ có trên 4 trang (từ trang thứ 5 trở đi)	..... trang			
<input type="checkbox"/> Phí đăng bạ quyết định cấp phó bản/cấp lại văn bằng bảo hộ	văn bằng bảo hộ			
<input type="checkbox"/> Phí công bố quyết định cấp phó bản/cấp lại văn bằng bảo hộ	quyết định			
<b>Tổng số phí, lệ phí nộp đơn là:</b>				

(Nộp kèm theo Bản sao chụp chứng từ/bảng chứng về việc nộp phí, lệ phí theo quy định)

<b>(V) CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b>	<b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b>
<input type="checkbox"/> Tờ khai, gồm.....trang	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Bản gốc văn bằng bảo hộ bị hỏng	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Mẫu đối tượng sở hữu công nghiệp trùng với mẫu trong văn bằng bảo hộ gốc	<input type="checkbox"/>

<input type="checkbox"/> mẫu nhãn hiệu , gồm.....mẫu (đối với nhãn hiệu) <input type="checkbox"/> bộ ảnh chụp hoặc bản vẽ , gồm.....bộ (đối với kiểu dáng công nghiệp)	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Bản gốc Văn bản uỷ quyền bằng tiếng..... <input type="checkbox"/> bản dịch tiếng Việt, gồm.....trang <input type="checkbox"/> bản sao văn bản UQ <input type="checkbox"/> bản gốc sẽ nộp sau <input type="checkbox"/> bản gốc đã nộp theo đơn số:.....)	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Tài liệu khác, cụ thể:	<input type="checkbox"/>
	<b>Cán bộ nhận đơn:</b>

**(VI) CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN**

Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại ..... ,ngày ..... tháng ..... năm .....  
 Chữ ký, họ tên người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn  
*(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)*

## 17. Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ</p> <p>Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương).</p> <p>Bước 2: Thẩm định hồ sơ</p> <p>Hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp được thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Trong trường hợp đơn đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp không có các thiếu sót nêu tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ, trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện các công việc sau đây:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Ra quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp;</li><li>+ Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 24 tại Phụ lục I Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ cho người nộp đơn; đóng dấu đăng ký vào bản hợp đồng và trao người nộp đơn 01 bản sao có đóng dấu;</li><li>+ Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi thông tin về quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp đến tổ chức hành chính quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được thông tin, tổ chức hành chính quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp ghi nhận việc chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và thực hiện công bố quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp trên Công báo Sở hữu công nghiệp.</li></ul></li><li>- Trong trường hợp đơn đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp có thiếu sót theo quy định khoản 3 Điều 28 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ, trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện các thủ tục sau đây:<ul style="list-style-type: none"><li>- Ra thông báo dự định từ chối đăng ký hợp đồng, trong đó nêu rõ các thiếu sót của hồ sơ, ấn định thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký thông báo để người nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối về dự định từ chối đăng ký hợp đồng. Thời gian dành cho người nộp đơn sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối về dự định từ chối không tính vào thời hạn xử lý đơn;</li><li>- Trường hợp người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc không có ý kiến phản đối hoặc sửa chữa thiếu sót/phản đối không đạt yêu cầu, trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu tại điểm a</li></ul></li></ul>
--------------------	---

	<p><i>khoản 2 Điều 28 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định từ chối đăng ký hợp đồng, trong đó nêu rõ lý do từ chối;</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp văn bằng bảo hộ đã bị chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực hoặc hết thời hạn bảo hộ theo quy định, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thông báo chấm dứt xử lý đơn đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.</li> </ul>
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia;</i></li> <li>- <i>Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.</i></li> </ul>
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>Tổ chức, cá nhân yêu cầu đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp phải nộp 01 bộ tài liệu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp <i>theo Mẫu số 15 tại Phụ lục I Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ;</i></li> <li>- Hợp đồng (bản gốc hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực theo quy định); nếu hợp đồng làm bằng ngôn ngữ khác tiếng Việt thì phải kèm theo bản dịch hợp đồng ra tiếng Việt; nếu hợp đồng có nhiều trang thì từng trang phải có chữ ký xác nhận của các bên hoặc đóng dấu giáp lai;</li> <li>- Văn bản đồng ý của các đồng chủ sở hữu về việc chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, nếu quyền sở hữu công nghiệp tương ứng thuộc sở hữu chung;</li> <li>- Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực của Văn bản ủy quyền (trường hợp yêu cầu được nộp thông qua đại diện);</li> <li>- Bản sao <i>chụp</i> chứng từ/bằng chứng nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận đơn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (phí thẩm định và lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng) và tổ chức hành chính quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (phí đăng bạ và công bố)).</li> </ul> <p>Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	60 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu quyền sở hữu công nghiệp;</li> <li>- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng;</li> </ul>
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp;</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.</li> </ul>
Phí, lệ phí (nếu có)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phí thẩm định hồ sơ: 230.000 đồng/văn bằng;</li> <li>- Lệ phí cấp GCN ĐKHHĐ: 60.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 120.000 đồng/đơn); Trường hợp thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VneID thì được miễn lệ phí cấp GCN ĐKHHĐ từ ngày 01/4/2026 đến 31/12/2026.</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phí đăng bạ: 120.000 đồng/văn bản;</li> <li>- Phí công bố: 120.000 đồng/yêu cầu.</li> </ul>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Tờ khai đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 15 tại Phụ lục I Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối tượng sở hữu công nghiệp phải còn hiệu lực;</li> <li>- Việc chuyển giao quyền sử dụng phải thuộc phạm vi được bảo hộ.</li> <li>- Bên chuyển quyền phải là chủ sở hữu VBBH hoặc được chủ sở hữu VBBH cho phép sử dụng thông qua hợp đồng chuyển quyền sử dụng khác.</li> </ul>
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15.</li> <li>- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính.</li> <li>- Thông tư số 64/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính: Quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.</li> <li>- Thông tư số 29/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí để hỗ trợ cho việc kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu và khuyến khích thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VNeID</li> </ul>

<p><b>TỜ KHAI</b>  <b>ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG CHUYỂN QUYỀN</b>  <b>SỬ DỤNG ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP</b>          Kính gửi<sup>32</sup>: .....</p>	<p><b>Mã hồ sơ thủ tục hành chính:</b></p> <p><b>Số đơn:</b></p> <p><b>Ngày nộp đơn:</b></p>
<p>Người nộp đơn dưới đây yêu cầu đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp<sup>33</sup></p>	

**(I) ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG**

*(Chỉ được chọn một trong các loại văn bằng bảo hộ)*

<p><input type="checkbox"/> Bảng độc quyền sáng chế</p> <p><input type="checkbox"/> Bảng độc quyền giải pháp hữu ích</p> <p><input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn</p> <p><input type="checkbox"/> Bảng độc quyền kiểu dáng công nghiệp</p> <p><input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu</p>	<p>Số văn bằng bảo hộ:</p>
---	----------------------------

**(II) NGƯỜI NỘP ĐƠN** (Tổ chức, cá nhân yêu cầu đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp)<sup>34</sup>

(1) Tên đầy đủ:

(2) Địa chỉ:

(3) Mã quốc gia của địa chỉ:

(4) Mã quốc tịch của người nộp đơn:

Loại hình:  Cá nhân/  Doanh nghiệp/  Viện nghiên cứu /  Trường đại học /  Khác

**Trường hợp người nộp đơn là tổ chức/cá nhân Việt Nam:**

(5) Số căn cước (đối với cá nhân):

(6) Mã số thuế (đối với tổ chức):

(7) Mã quan hệ ngân sách (đối với các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước):

(8) Điện thoại:

(9) Email:

**NGƯỜI NỘP ĐƠN KHÁC (nếu có)**

*(khai đầy đủ các mục như người nộp đơn thứ nhất)*

.....

<sup>32</sup> Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

<sup>33</sup> Trong Tờ khai này, người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông  nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

<sup>34</sup> Mã quốc gia, Mã quốc tịch là mã hai chữ cái thể hiện tên quốc gia theo Tiêu chuẩn ST.3 của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới, ví dụ VN, US, JP.

### **(III) ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN**

Là tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp được người nộp đơn ủy quyền, **Mã số đại diện:**

Là văn phòng đại diện/chi nhánh tại Việt Nam của người nộp đơn là tổ chức Việt Nam

Là văn phòng đại diện/chi nhánh/tổ chức 100% vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam của người nộp đơn là tổ chức nước ngoài

Là người đại diện theo pháp luật của người nộp đơn là cá nhân

Là cá nhân đại diện theo ủy quyền của người nộp đơn là cá nhân (không nhằm mục đích kinh doanh)

(1) Tên đầy đủ:

(2) Địa chỉ:

(3) Số căn cước (đối với cá nhân):

(4) Mã số thuế (đối với tổ chức):

(5) Điện thoại:

(6) Email:

### **(IV) BÊN THỨ HAI TRONG HỢP ĐỒNG (KHÔNG ĐÚNG TÊN NGƯỜI NỘP ĐƠN)**

(1) Tên đầy đủ:

(2) Địa chỉ:

(3) Mã quốc gia của địa chỉ:

(4) Mã quốc tịch của người nộp đơn:

Loại hình:  Cá nhân/  Doanh nghiệp/  Viện nghiên cứu /  Trường đại học /  Khác

#### **Trường hợp tổ chức/cá nhân Việt Nam:**

(5) Số căn cước (đối với cá nhân):

(6) Mã số thuế (đối với tổ chức):

(7) Mã quan hệ ngân sách (đối với các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước):

(8) Điện thoại:

(9) Email:

### **(V) PHẠM VI CHUYỂN GIAO**

(1) Lãnh thổ chuyển giao:

(2) Thời hạn chuyển giao:

<b>(VI) PHÍ, LỆ PHÍ</b>		ĐVT: Nghìn đồng		
<b>Loại phí, lệ phí</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Mức thu</b>	<b>Số tiền</b>
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định hồ sơ đơn đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp (chuyển quyền sử dụng)	hợp đồng			
<input type="checkbox"/> Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng	Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng			

<input type="checkbox"/> Phí đăng bạ quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng	hợp đồng			
<input type="checkbox"/> Phí công bố quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng	quyết định			
<b>Tổng số phí, lệ phí nộp theo đơn là:</b> (Nộp kèm theo Bản sao chụp chứng từ/bảng chứng về việc nộp phí, lệ phí)				

<b>(VII) CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b>	<b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b>
<input type="checkbox"/> Tờ khai, gồm .....trang	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Hợp đồng chuyển quyền sử dụng, bằng tiếng.....gồm.....trang	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> ... Bản gốc <input type="checkbox"/> ... Bản sao	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Bản dịch hợp đồng ra tiếng Việt, gồm..... trang	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Văn bản đồng ý của các đồng chủ sở hữu (trong trường hợp đối tượng chuyển giao thuộc sở hữu chung), gồm.....trang	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Bản gốc Văn bản uỷ quyền bằng tiếng.....	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> bản dịch tiếng Việt văn bản UQ, gồm.....trang	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> bản sao ( <input type="checkbox"/> bản gốc sẽ nộp sau	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> bản gốc đã nộp theo đơn số:.....)	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Tài liệu khác, cụ thể:	<input type="checkbox"/>
	<b>Cán bộ nhận đơn:</b>

### **(VIII) CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN**

Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại ..... ,ngày ..... tháng ..... năm .....  
 Chữ ký, họ tên người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn  
*(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)*

**18. Thủ tục ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp**

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ</p> <p>Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp đến <i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i>).</p> <p>Bước 2: Thẩm định hồ sơ</p> <p>Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ yêu cầu ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hợp đồng, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm xem xét đơn theo quy định sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Trong trường hợp đơn hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện các công việc sau đây:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Ra quyết định ghi nhận sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp;</li><li>+ Ghi nhận các nội dung sửa đổi, gia hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp vào Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp;</li><li>+ Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi thông tin về quyết định ghi nhận sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp đến <i>tổ chức hành chính</i> quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định để <i>tổ chức hành chính</i> quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp ghi nhận các nội dung sửa đổi, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và thực hiện công bố các quyết định ghi nhận sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp trên Công báo Sở hữu công nghiệp.</li></ul></li><li>- Trong trường hợp hồ sơ có thiếu sót theo quy định, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra thông báo dự định từ chối ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, trong đó nêu rõ các thiếu sót của đơn, ấn định thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký thông báo để người nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối về dự định từ chối ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng. Thời gian dành cho người nộp đơn sửa chữa thiếu sót không tính vào thời hạn xử lý đơn;</li><li>- Trường hợp người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu tại điểm b khoản 3 Điều 30 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định từ chối</li></ul>
--------------------	---

	<i>ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực trước thời hạn hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, trong đó nêu rõ lý do từ chối.</i>
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Thực tuyến qua Công dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia;</i></li> <li>- <i>Thực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính Phục vụ công của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.</i></li> </ul>
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>Tổ chức, cá nhân <i>nộp đơn</i> yêu cầu sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng <i>cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo quy định như sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Tờ khai yêu cầu ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực trước thời hạn của hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, làm theo Mẫu số 17 Phụ lục I Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ;</i></li> <li>- <i>Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp (trường hợp đăng ký sửa đổi nội dung, gia hạn hiệu lực của hợp đồng);</i></li> <li>- <i>Tài liệu chứng minh việc sửa đổi tên, địa chỉ của các bên trong hợp đồng;</i></li> <li>- <i>Thỏa thuận, tài liệu ghi nhận về những điều khoản cụ thể cần sửa đổi, bổ sung trong hợp đồng, kể cả việc gia hạn hoặc chấm dứt hiệu lực của hợp đồng trước thời hạn;</i></li> <li>- <i>Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực Văn bản ủy quyền (trường hợp yêu cầu được nộp thông qua đại diện);</i></li> <li>- <i>Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (phí thẩm định yêu cầu sửa đổi, gia hạn, chấm dứt hiệu lực trước thời hạn của hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp) và tổ chức hành chính quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (phí công bố, đăng bạ thông tin sở hữu công nghiệp)).</i></li> </ul> <p>Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	30 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	<i>Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i>
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Quyết định ghi nhận các nội dung sửa đổi, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp;</i></li> <li>- <i>Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp đã được cập nhật nội dung sửa đổi, gia hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.</i></li> </ul>
Phí, lệ phí (nếu có)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Phí thẩm định hồ sơ: 160.000 đồng/văn bản</i></li> <li>- <i>Phí đăng bạ: 120.000 đồng/văn bản</i></li> <li>- <i>Phí công bố: 120.000 đồng/yêu cầu</i></li> </ul>

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Tờ khai yêu cầu ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực trước thời hạn của hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp theo <i>Mẫu số 17 Phụ lục I Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ</i> ;
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	<i>Đơn yêu cầu gia hạn hợp đồng phải được nộp trong vòng 30 ngày tính đến ngày kết thúc thời hạn hợp đồng ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.</i>
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Sở hữu trí tuệ số <b>50/2005/QH11</b> được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số <b>36/2009/QH12</b>, Luật số <b>42/2019/QH14</b>, Luật số <b>07/2022/QH15</b>; Luật số <b>93/2025/QH15</b> và Luật số <b>131/2025/QH15</b>.</li> <li>- Nghị định số <b>65/2023/NĐ-CP</b> ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi <i>Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ</i>.</li> <li>- Thông tư số <b>263/2016/TT-BTC</b> ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

<p><b>TỜ KHAI</b></p> <p><b>YÊU CẦU GHI NHẬN VIỆC SỬA ĐỔI NỘI DUNG/GIA HẠN/CHẤM DỨT TRƯỚC THỜI HẠN HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP</b></p> <p>Kính gửi<sup>35</sup>: .....</p> <p>Người nộp đơn dưới đây yêu cầu ghi nhận việc sửa đổi nội dung/gia hạn/chấm dứt trước thời hạn hiệu lực của hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp<sup>36</sup></p>	<p><b>Mã hồ sơ thủ tục hành chính:</b></p> <p><b>Số đơn:</b></p> <p><b>Ngày nộp đơn:</b></p>
--	--

**(I) NỘI DUNG YÊU CẦU**

*(Chỉ được chọn một trong các nội dung tương ứng)*

<p><input type="checkbox"/> Sửa đổi tên, địa chỉ của: <input type="checkbox"/> Bên chuyển quyền <input type="checkbox"/> Bên nhận chuyển quyền</p> <p><input type="checkbox"/> Sửa đổi, bổ sung điều khoản trong hợp đồng</p> <p><input type="checkbox"/> ... văn bằng bảo hộ liên quan đến nội dung sửa đổi</p> <p><input type="checkbox"/> Gia hạn hợp đồng</p> <p><input type="checkbox"/> Chấm dứt hiệu lực trước thời hạn của hợp đồng</p>	<p><b>GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP</b></p> <p>Số Giấy chứng nhận:</p> <p>Ngày cấp:</p>
---	--

**(II) NGƯỜI NỘP ĐƠN** (Tổ chức, cá nhân yêu cầu ghi nhận việc sửa đổi nội dung/gia hạn/chấm dứt trước thời hạn hiệu lực của hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp)<sup>37</sup>

(1) Tên đầy đủ:

(2) Địa chỉ:

(3) Mã quốc gia của địa chỉ:

(4) Mã quốc tịch của người nộp đơn:

Loại hình:  Cá nhân/  Doanh nghiệp/  Viện nghiên cứu /  Trường đại học /  Khác

**Trường hợp người nộp đơn là tổ chức/cá nhân Việt Nam:**

(5) Số căn cước (đối với cá nhân):

(6) Mã số thuế (đối với tổ chức):

(7) Mã quan hệ ngân sách (đối với các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước):

(8) Điện thoại:

(9) Email:

<sup>35</sup> Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

<sup>36</sup> Trong Tờ khai này, người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông  nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

<sup>37</sup> Mã quốc gia, Mã quốc tịch là mã hai chữ cái thể hiện tên quốc gia theo Tiêu chuẩn ST.3 của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới, ví dụ VN, US, JP.

**NGƯỜI NỘP ĐƠN KHÁC (nếu có)**

(khai đầy đủ các mục như người nộp đơn thứ nhất)

.....

**(III) ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN**

Là tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp được người nộp đơn ủy quyền, **Mã số đại diện:**

Là văn phòng đại diện/chi nhánh tại Việt Nam của người nộp đơn là tổ chức Việt Nam

Là văn phòng đại diện/chi nhánh/tổ chức 100% vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam của người nộp đơn là tổ chức nước ngoài

Là người đại diện theo pháp luật của người nộp đơn là cá nhân

Là cá nhân đại diện theo ủy quyền của người nộp đơn là cá nhân (không nhằm mục đích kinh doanh)

(1) Tên đầy đủ:

(2) Địa chỉ:

(3) Số căn cước (đối với cá nhân):

(4) Mã số thuế (đối với tổ chức):

(5) Điện thoại:

(6) Email:

**(IV) BÊN THỨ HAI TRONG HỢP ĐỒNG (KHÔNG ĐÚNG TÊN NGƯỜI NỘP ĐƠN)**

(1) Tên đầy đủ:

(2) Địa chỉ:

(3) Mã quốc gia của địa chỉ:

(4) Mã quốc tịch:

Loại hình:  Cá nhân/  Doanh nghiệp/  Viện nghiên cứu /  Trường đại học /  Khác

**Trường hợp tổ chức/cá nhân Việt Nam:**

(5) Số căn cước (đối với cá nhân):

(6) Mã số thuế (đối với tổ chức):

(7) Mã quan hệ ngân sách (đối với các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước):

(8) Điện thoại:

(9) Email:

<b>(V) PHÍ, LỆ PHÍ</b>		ĐVT: Nghìn đồng		
<b>Loại phí, lệ phí</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Mức thu</b>	<b>Số tiền</b>
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định yêu cầu gia hạn/chấm dứt trước thời hạn hiệu lực của hợp đồng đã ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng/	Văn bằng bảo hộ			

<input type="checkbox"/> Phí thẩm định yêu cầu sửa đổi Giấy chứng nhận hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp				
<input type="checkbox"/> sửa đổi phạm vi chuyển giao sửa đổi kéo dài thời hạn hợp đồng	Văn bằng bảo hộ			
<input type="checkbox"/> sửa đổi khác (tên, địa chỉ của các bên)	Hợp đồng			
<input type="checkbox"/> Phí đăng bạ quyết định sửa đổi/gia hạn/chấm dứt trước thời hạn hiệu lực của hợp đồng đã ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng	Văn bằng bảo hộ			
<input type="checkbox"/> Phí công bố quyết định sửa đổi/gia hạn/chấm dứt trước thời hạn hiệu lực của hợp đồng đã ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng	Quyết định			
<b>Tổng số phí, lệ phí nộp theo đơn là:</b> (Nộp kèm theo Bản sao chụp chứng từ/bằng chứng về việc nộp phí, lệ phí theo quy định)				

<b>(VI) CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b>	<b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b>
<input type="checkbox"/> Tờ khai, gồm .....trang	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng (trường hợp sửa đổi nội dung, gia hạn hiệu lực hợp đồng)	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Tài liệu chứng minh việc sửa đổi tên, địa chỉ của các bên trong hợp đồng	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Thoả thuận, tài liệu ghi nhận các điều khoản cụ thể cần sửa đổi bổ sung, gia hạn hoặc chấm dứt trước thời hạn hiệu lực của hợp đồng	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Bản gốc Văn bản uỷ quyền bằng tiếng.....	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> bản dịch tiếng Việt văn bản UQ, gồm.....trang	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> bản sao	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> bản gốc sẽ nộp sau	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> bản gốc đã nộp theo đơn số:.....)	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Tài liệu khác, cụ thể:	<input type="checkbox"/>
	<b>Cán bộ nhận đơn:</b>

**(VII) CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN**

Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Khai tại ..... ,ngày ..... tháng ..... năm*

.....

Chữ ký, họ tên người nộp đơn/đại diện của người  
nộp đơn

*(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)*

**19. Thủ tục cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, cấp lại phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp**

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ</p> <p>Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp đến <i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i>).</p> <p>Bước 2: Thẩm định hồ sơ</p> <p>Hồ sơ yêu cầu cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp được thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Trường hợp đơn hợp lệ, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định cấp phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, quyết định cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp hoặc quyết định cấp lại phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp;</li><li>- Nội dung phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp thể hiện đầy đủ các thông tin của Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp tương ứng và phải kèm theo chỉ dẫn “Phó bản”. Nội dung bản cấp lại của Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp/phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp thể hiện đầy đủ các thông tin của Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp/phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp cấp lần đầu và phải kèm theo chỉ dẫn “Bản cấp lại”.</li></ul> <p>Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi thông tin về quyết định cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp đến cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được thông tin, tổ chức hành chính quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp ghi nhận việc cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp ghi nhận vào mục đăng bạ tương ứng trong Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và thực hiện công bố các quyết định cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp hoặc cấp lại phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp trên Công báo Sở hữu công nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Trường hợp đơn không hợp lệ, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra thông báo và ấn định thời hạn 60 ngày kể từ ngày ra thông báo để</li></ul>
--------------------	---

	<p>người yêu cầu sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Thời gian dành cho người nộp đơn sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối không tính vào thời hạn xử lý đơn;</p> <p>- Trường hợp người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc không có ý kiến phản đối hoặc sửa chữa thiếu sót/phản đối không đạt yêu cầu, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định từ chối cấp phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp hoặc cấp lại phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, trong đó nêu rõ lý do từ chối.</p>
Cách thức thực hiện	<p>- Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia;</p> <p>- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>Tổ chức, cá nhân yêu cầu cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp phải nộp 01 bộ tài liệu như sau:</p> <p>- Tờ khai yêu cầu cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp/cấp lại phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, làm theo Mẫu số 14 Phụ lục I Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ;</p> <p>- 01 bản hợp đồng (bản gốc hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực theo quy định); nếu hợp đồng làm bằng ngôn ngữ khác tiếng Việt thì phải kèm theo bản dịch hợp đồng ra tiếng Việt; nếu hợp đồng có nhiều trang thì từng trang phải có chữ ký xác nhận của các bên hoặc đóng dấu giáp lai;</p> <p>- Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực Văn bản ủy quyền (trường hợp yêu cầu được nộp thông qua đại diện);</p> <p>- Bản sao chụp chứng từ/bảng chứng nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (phí yêu cầu cấp lại/cấp phó bản) và tổ chức hành chính quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (phí công bố, đăng bạ thông tin sở hữu công nghiệp)).</p> <p>Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	30 ngày
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	- Quyết định cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp;

	- Bản phó bản/bản cấp lại Giấy chứng nhận chuyển quyền sử dụng đối tượng SHCN.
Phí, lệ phí (nếu có)	- Phí đăng bạ: 120.000 đồng/văn bằng - Phí công bố: 120.000 đồng/yêu cầu
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Tờ khai yêu cầu cấp phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp/phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp được làm theo <i>Mẫu số 14 Phụ lục I Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ</i> ;
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp được cấp cho người nộp đơn (tổ chức, cá nhân yêu cầu chuyển quyền sử dụng). Bên còn lại có thể yêu cầu Ủy ban nhân dân <i>tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i> cấp phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, với điều kiện phải nộp phí cấp phó bản; - Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp/phó bản giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp bị mất hoặc bị hỏng, rách, bẩn, phai mờ đến mức không sử dụng được, bị tháo rời không giữ được dấu niêm phong, tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp/phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp có thể yêu cầu Ủy ban nhân dân <i>tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i> cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp/phó bản Giấy chứng nhận, với điều kiện phải nộp phí tương ứng.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Sở hữu trí tuệ số <b>50/2005/QH11</b> được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số <b>36/2009/QH12</b> , Luật số <b>42/2019/QH14</b> , Luật số <b>07/2022/QH15</b> ; Luật số <b>93/2025/QH15</b> và Luật số <b>131/2025/QH15</b> . - Nghị định số <b>65/2023/NĐ-CP</b> ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi <i>Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ</i> . - Khoản 7 Điều 29 của Nghị định số <b>65/2023/NĐ-CP</b> ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; - Điểm 4.1 và 4.2 Mục B Phí sở hữu công nghiệp tại Biểu mức thu phí, lệ phí sở hữu công nghiệp (Ban hành kèm theo Thông tư số <b>263/2016/TT-BTC</b> ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính).

<p><b>TỜ KHAI</b></p> <p><b>YÊU CẦU CẤP PHÓ BẢN, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP, CẤP LẠI PHÓ BẢN GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP</b></p> <p>Kính gửi<sup>38</sup>: .....</p> <p>Người nộp đơn dưới đây yêu cầu cấp phó bản/cấp lại<sup>39</sup></p>	<p><b>Mã hồ sơ thủ tục hành chính:</b></p> <p><b>Số đơn:</b></p> <p><b>Ngày nộp đơn:</b></p>
--	--

**(I) ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÓ BẢN/CẤP LẠI**

(Chỉ được chọn một loại)

<p><input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp</p> <p><input type="checkbox"/> Phó bản Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp</p>	<p>Số Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp:</p>
---	---

**NỘI DUNG YÊU CẦU**

- Cấp phó bản giấy chứng nhận (cho đồng chủ sở hữu)
- Cấp lại giấy chứng nhận (số lần đã được cấp:.....)
- Cấp lại phó bản giấy chứng nhận (Phó bản số:.....số lần đã được cấp:.....)

**Lý do xin cấp lại:**

- Giấy chứng nhận bị mất
  - Giấy chứng nhận bị hỏng (rách, bẩn, phai mờ...)
- Lý do khác

**(II) NGƯỜI NỘP ĐƠN (Tổ chức, cá nhân yêu cầu cấp phó bản/cấp lại)<sup>40</sup>**

<sup>38</sup> Tên cơ quan quản tiếp nhận hồ sơ.

<sup>39</sup> Trong Tờ khai này, người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn đánh dấu “x” vào ô vuông [ ] nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

<sup>40</sup> Mã quốc gia, Mã quốc tịch là mã hai chữ cái thể hiện tên quốc gia theo Tiêu chuẩn ST.3 của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới, ví dụ VN, US, JP.

(1) Tên đầy đủ:

(2) Địa chỉ:

(3) Mã quốc gia của địa chỉ:

(4) Mã quốc tịch của người nộp đơn:

Loại hình:  Cá nhân  Doanh nghiệp/  Viện nghiên cứu/  Trường đại học/  Khác

**Trường hợp người nộp đơn là tổ chức/cá nhân Việt Nam:**

(5) Số căn cước (đối với cá nhân):

(6) Mã số thuế (đối với tổ chức):

(7) Mã quan hệ ngân sách (đối với các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước):

(8) Điện thoại:

(9) Email:

### (III) ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN

Là tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp được người nộp đơn ủy quyền, **Mã số đại diện:**

Là văn phòng đại diện/chi nhánh tại Việt Nam của người nộp đơn là tổ chức Việt Nam

Là văn phòng đại diện/chi nhánh/tổ chức 100% vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam của người nộp đơn là tổ chức nước ngoài

Là người đại diện theo pháp luật của người nộp đơn là cá nhân

Là cá nhân đại diện theo ủy quyền của người nộp đơn là cá nhân (không nhằm mục đích kinh doanh)

(1) Tên đầy đủ:

(2) Địa chỉ:

(3) Số căn cước (đối với cá nhân):

(4) Mã số thuế (đối với tổ chức):

(5) Điện thoại:

(6) Email:

<b>(VI) PHÍ, LỆ PHÍ</b>		ĐVT: Nghìn đồng		
<b>Loại phí, lệ phí</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Mức thu</b>	<b>Số tiền</b>
<input type="checkbox"/> Phí cấp phó bản/cấp lại giấy chứng nhận	Giấy chứng nhận ..... trang			
<input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận có trên 4 trang (từ trang thứ 5 trở đi)				

<input type="checkbox"/> Phí đăng bạ quyết định cấp phó bản/cấp lại giấy chứng nhận	Quyết định			
<input type="checkbox"/> Phí công bố quyết định cấp phó bản/cấp lại giấy chứng nhận	Quyết định			
<b>Tổng số phí, lệ phí nộp theo đơn là:</b>  (Nộp kèm theo Bản sao chụp chứng từ/bằng chứng về việc nộp phí, lệ phí theo quy định)				

<b>(V) CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b>	<b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b>	
<input type="checkbox"/> Tờ khai, gồm.....trang	<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/> Bản gốc giấy chứng nhận bị hỏng	<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/> Bản gốc Văn bản uỷ quyền bằng tiếng.....	<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/> bản dịch tiếng Việt, gồm.....trang	<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/> bản sao ( <input type="checkbox"/> bản gốc sẽ nộp sau <input type="checkbox"/> bản gốc đã nộp theo đơn số:.....)	<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/> Tài liệu khác, cụ thể:	<input type="checkbox"/>	<b>Cán bộ nhận đơn:</b>

**(VI) CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN**

Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại ..... ,ngày ..... tháng .....

năm .....

Chữ ký, họ tên người nộp đơn/đại diện của người  
nộp đơn

*(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)*

## 20. Thủ tục ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ</p> <p>Trong trường hợp người nắm độc quyền không thực hiện nghĩa vụ sử dụng sáng chế, bị coi là thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm theo quy định của pháp luật về cạnh tranh hoặc người có nhu cầu sử dụng sáng chế không đạt được thỏa thuận với người nắm độc quyền sử dụng sáng chế về việc ký kết hợp đồng sử dụng sáng chế mặc dù trong một thời gian hợp lý đã cố gắng thương lượng với mức giá và các điều kiện thương mại thỏa đáng: 01 bộ hồ sơ yêu cầu nộp đến <i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i>).</p> <p>Bước 2: Thẩm định hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Đối với đơn thuộc trường hợp quy định tại điểm b, c và d khoản 1 Điều 145 của Luật Sở hữu trí tuệ, trong thời hạn 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn hợp lệ, cơ quan thẩm định đơn phải ra thông báo về yêu cầu chuyển giao quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc cho người nắm giữ độc quyền sử dụng sáng chế và yêu cầu người đó có ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 16 ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo; yêu cầu các bên liên quan thương lượng lại nhằm khắc phục các bất đồng để ký kết hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng sáng chế, nếu xét thấy cần thiết; trong trường hợp không đạt được sự thỏa thuận giữa các bên và nếu xét thấy việc không chấp nhận ký kết hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng sáng chế của bên nắm giữ quyền là không hợp lý thì báo cáo kết quả thẩm định đơn và đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế.</li><li>Trong thời hạn 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định của cơ quan thẩm định đơn, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xem xét và ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế, hoặc gửi cho người nộp hồ sơ thông báo từ chối yêu cầu ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế, trong đó nêu rõ lý do từ chối.</li><li>- Trường hợp yêu cầu ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế không có căn cứ xác đáng theo quy định tại Điều 145 Luật Sở hữu trí tuệ, trong thời hạn 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn, cơ quan thẩm định đơn báo cáo kết quả thẩm định và đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ra thông báo dự định từ chối, có nêu rõ lý do từ chối và ấn định thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để người nộp đơn có ý kiến về dự định từ chối.</li><li>Thời gian dành cho người nộp đơn sửa chữa thiếu sót của đơn hoặc có ý kiến phản đối không tính vào thời hạn thẩm định đơn.</li><li>- Đối với đơn thuộc trường hợp quy định tại điểm a và đ khoản 1 Điều 145 của Luật Sở hữu trí tuệ, trong thời hạn 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn hợp lệ, cơ quan thẩm định hồ sơ đơn của các bộ, cơ quan ngang bộ phải báo cáo kết quả thẩm định đơn và đề nghị Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế hoặc ra thông báo từ chối.</li><li>Trong thời hạn 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm</li></ul>
--------------------	---

	<p>định của cơ quan thẩm định đơn, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ xem xét và ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế hoặc gửi cho người nộp đơn thông báo từ chối yêu cầu ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế, trong đó nêu rõ lý do từ chối.</p> <p>Nếu yêu cầu thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 145 của Luật Sở hữu trí tuệ thì các bộ, cơ quan ngang bộ có quyền ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế mà không cần yêu cầu người nắm giữ độc quyền sử dụng sáng chế có ý kiến và không cần yêu cầu các bên thương lượng.</p>
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia;</li> <li>- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.</li> </ul>
Thành phần, số lượng hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai yêu cầu bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế theo Mẫu số 18 Phụ lục I Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ;</li> <li>- Tài liệu chứng minh yêu cầu ra quyết định buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế là có căn cứ xác đáng theo quy định pháp luật;</li> <li>- Văn bản ủy quyền (trường hợp yêu cầu được nộp thông qua đại diện);</li> <li>- Bản sao chụp chứng từ/bảng chứng nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (phí yêu cầu cấp lại/cấp phó bản) và tổ chức hành chính quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (phí công bố, đăng bạ thông tin sở hữu công nghiệp)).</li> </ul> <p>Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	30 ngày kể từ ngày nhận đơn hợp lệ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cơ quan thẩm định hồ sơ của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	- Quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế;
Phí, lệ phí (nếu có)	Không quy định.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Tờ khai yêu cầu bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế theo Mẫu số 18 Phụ lục I Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Trường hợp yêu cầu ra quyết định buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế trên cơ sở quy định tại điểm b khoản 1 Điều 145 Luật Sở hữu trí tuệ, đơn phải có tài liệu chứng minh người nắm giữ độc quyền sáng chế đã không thực hiện nghĩa vụ sử dụng sáng chế quy định tại khoản 1 Điều 136 và khoản 5 Điều 142 Luật Sở hữu trí tuệ và tại thời điểm nộp hồ sơ đã kết thúc thời hạn 04 năm kể từ ngày nộp đơn đăng ký sáng chế và kết thúc thời hạn 03 năm kể từ ngày sáng chế được cấp bằng độc quyền;

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp yêu cầu ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế trên cơ sở quy định tại điểm c khoản 1 Điều 145 Luật Sở hữu trí tuệ, đơn phải có tài liệu chứng minh rằng người nộp đơn có nhu cầu sử dụng sáng chế không đạt được thỏa thuận với người nắm độc quyền sử dụng sáng chế về việc ký kết hợp đồng sử dụng sáng chế mặc dù trong một thời gian hợp lý đã cố gắng thương lượng với mức giá và các điều kiện thương mại thỏa đáng, trong đó, phải nêu rõ nhu cầu sử dụng sáng chế, thời gian đã tiến hành thương lượng, mức giá và các điều kiện thương mại cụ thể mà người có nhu cầu sử dụng sáng chế đã đề xuất;</li> <li>- Trường hợp yêu cầu ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế trên cơ sở quy định tại điểm d khoản 1 Điều 145 Luật Sở hữu trí tuệ, đơn phải có tài liệu chứng minh rằng người nắm độc quyền sử dụng sáng chế đã thực hiện hành vi bị coi là hạn chế cạnh tranh bị cấm theo quy định của pháp luật về cạnh tranh.</li> <li>- Thời gian dành cho người nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót của đơn hoặc có ý kiến phản đối không tính vào thời hạn xem xét hồ sơ.</li> </ul>
<p>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Sở hữu trí tuệ số <b>50/2005/QH11</b> được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số <b>36/2009/QH12</b>, Luật số <b>42/2019/QH14</b>, Luật số <b>07/2022/QH15</b>; Luật số <b>93/2025/QH15</b> và Luật số <b>131/2025/QH15</b>.</li> <li>- Nghị định số <b>65/2023/NĐ-CP</b> ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số <b>100/2026/NĐ-CP</b> ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.</li> </ul>

<p><b>TỜ KHAI</b>  <b>YÊU CẦU BẮT BUỘC CHUYỂN GIAO</b>  <b>QUYỀN SỬ DỤNG SÁNG CHẾ</b></p> <p>Kính gửi<sup>41</sup>: .....</p> <p>Người nộp đơn dưới đây đề nghị bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế<sup>42</sup></p>	<p><b>Mã hồ sơ thủ tục hành chính:</b></p> <p><b>Số đơn:</b></p> <p><b>Ngày nộp đơn:</b></p>
--	--

**(I) NGƯỜI NỘP ĐƠN** (Tổ chức, cá nhân đề nghị bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế)<sup>43</sup>

(1) Tên đầy đủ:

(2) Địa chỉ:

(3) Mã quốc gia của địa chỉ:

(4) Mã quốc tịch của người nộp đơn:

Loại hình:  Cá nhân/  Doanh nghiệp/  Viện nghiên cứu /  Trường đại học /  Khác

**Trường hợp người nộp đơn là tổ chức/cá nhân Việt Nam:**

(5) Số căn cước (đối với cá nhân):

(6) Mã số thuế (đối với tổ chức):

(7) Mã quan hệ ngân sách (đối với các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước):

(8) Điện thoại:

(9) Email:

<sup>41</sup> Tên cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định chuyển giao quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc.

<sup>42</sup> Trong Tờ khai này, người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông  nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

<sup>43</sup> Mã quốc gia, Mã quốc tịch là mã hai chữ cái thể hiện tên quốc gia theo Tiêu chuẩn ST.3 của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới, ví dụ VN, US, JP.



<input type="checkbox"/> Bản sao chụp chứng từ/bảng chứng về việc nộp phí, lệ phí theo quy định <input type="checkbox"/> Tài liệu khác, cụ thể:	<input type="checkbox"/>  <input type="checkbox"/>	Cán bộ nhận đơn (Ký và ghi rõ họ tên)
--	--	--

**(VI) CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN**

Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Khai tại: .....ngày.....tháng.....năm.....*

Chữ ký, họ tên người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn

*(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)*

## 21. Thủ tục yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ          Nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu đến <i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i>.</p> <p>Bước 2: Thẩm định hồ sơ          Trường hợp hồ sơ không hợp lệ (yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế không có căn cứ xác đáng):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo kết quả xem xét hồ sơ và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra thông báo dự định từ chối, có nêu rõ lý do từ chối và ấn định thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để người nộp hồ sơ có ý kiến về dự định từ chối;</li> <li>- Nếu người nộp hồ sơ không có ý kiến hoặc có ý kiến không xác đáng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra thông báo từ chối yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc trong thời hạn 20 ngày (trong đó nêu rõ lý do từ chối);</li> </ul> <p>Trường hợp hồ sơ hợp lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ/phản hồi của người nộp hồ sơ về việc chứng minh được yêu cầu có căn cứ xác đáng, cơ quan thẩm định hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra thông báo về yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc cho người nắm giữ độc quyền sáng chế và yêu cầu người đó có ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra thông báo;</li> <li>+ Nếu người nắm giữ độc quyền sáng chế không phản hồi hoặc ý kiến phản hồi không có căn cứ xác đáng, cơ quan thẩm định hồ sơ báo cáo, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định bắt buộc chấm dứt quyền sử dụng sáng chế.</li> <li>+ Nếu người nắm giữ độc quyền sáng chế phản hồi có căn cứ xác đáng, cơ quan thẩm định hồ sơ xem xét ý kiến của các bên, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định bắt buộc chấm dứt quyền sử dụng sáng chế hoặc thông báo từ chối yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả của cơ quan thẩm định hồ sơ.</li> <li>- Quyết định bắt buộc chấm dứt quyền sử dụng sáng chế được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi cho người nộp hồ sơ và người nắm độc quyền sử dụng sáng chế trong thời hạn 7 ngày <i>làm việc</i> và cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp trong thời hạn 20 ngày <i>làm việc</i>.</li> <li>- Cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp ghi nhận quyết định vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra quyết định.</li> </ul>
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia;</i></li> <li>- <i>Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.</i></li> </ul>
Thành phần, số lượng hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc được làm theo <i>Mẫu số 16 tại Phụ lục I của Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ</i></li> </ul>

	<p>- Tài liệu chứng minh căn cứ dẫn đến việc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc không còn tồn tại và không có khả năng tái xuất hiện, đồng thời việc chấm dứt sử dụng sáng chế không gây thiệt hại cho người được chuyển giao quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc;</p> <p>- Văn bản ủy quyền (trường hợp yêu cầu được nộp thông qua đại diện)</p> <p>- Bản sao <i>chụp</i> chứng từ/<i>bằng chứng</i> nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan thẩm định đơn thuộc Ủy ban nhân dân <i>tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i> và <i>tổ chức hành chính</i> quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (phí đăng bạ và phí công bố)).</p> <p>Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	30 ngày
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân <i>tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i>
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	- Quyết định chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc;
Phí, lệ phí (nếu có)	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	<i>Tờ khai yêu cầu yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc được làm theo Mẫu số 16 tại Phụ lục I của Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Việc chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân <i>tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ</i> , người đã ra quyết định bắt buộc chuyển giao sáng chế, quyết định
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	<p>- Luật Sở hữu trí tuệ số <b>50/2005/QH11</b> được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số <b>36/2009/QH12</b>, Luật số <b>42/2019/QH14</b>, Luật số <b>07/2022/QH15</b>; Luật số <b>93/2025/QH15</b> và Luật số <b>131/2025/QH15</b>.</p> <p>- Nghị định số <b>65/2023/NĐ-CP</b> ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số <b>15/2026/NĐ-CP</b> và Nghị định số <b>100/2026/NĐ-CP</b> ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.</p>

<p><b>TỜ KHAI</b></p> <p><b>YÊU CẦU CHẤM DỨT QUYỀN SỬ DỤNG SÁNG CHẾ THEO QUYẾT ĐỊNH BẮT BUỘC</b></p> <p>Kính gửi<sup>44</sup>: .....</p> <p>Người nộp đơn dưới đây đề nghị chấm dứt sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc:<sup>45</sup></p>	<p><b>Mã hồ sơ thủ tục hành chính:</b></p> <p><b>Số đơn:</b></p> <p><b>Ngày nộp đơn:</b></p>
---	--

**(I) NGƯỜI NỘP ĐƠN** (Tổ chức, cá nhân yêu cầu chấm dứt sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc)<sup>46</sup>

(1) Tên đầy đủ:

(2) Địa chỉ:

(3) Mã quốc gia của địa chỉ:

(4) Mã quốc tịch của người nộp đơn:

Loại hình:  Cá nhân/  Doanh nghiệp/  Viện nghiên cứu /  Trường đại học /  Khác

**Trường hợp người nộp đơn là tổ chức/cá nhân Việt Nam:**

(5) Số căn cước (đối với cá nhân):

(6) Mã số thuế (đối với tổ chức):

(7) Mã quan hệ ngân sách (đối với các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước):

(8) Điện thoại:

(9) Email:

**(II) ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN**

Là tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp được người nộp đơn ủy quyền, **Mã số đại diện:**

Là văn phòng đại diện/chi nhánh tại Việt Nam của người nộp đơn là tổ chức Việt Nam

Là văn phòng đại diện/chi nhánh/tổ chức 100% vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam của người nộp đơn là tổ chức nước ngoài

Là người đại diện theo pháp luật của người nộp đơn là cá nhân

Là cá nhân đại diện theo ủy quyền của người nộp đơn là cá nhân (không nhằm mục đích kinh doanh)

(1) Tên đầy đủ:

(2) Địa chỉ:

(3) Số căn cước (đối với cá nhân):

<sup>44</sup> Tên cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định chuyển giao quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc.

<sup>45</sup> Trong Tờ khai này, người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông  nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

<sup>46</sup> Mã quốc gia, Mã quốc tịch là mã hai chữ cái thể hiện tên quốc gia theo Tiêu chuẩn ST.3 của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới, ví dụ VN, US, JP.

(4) Mã số thuế (đối với tổ chức):

(5) Điện thoại:

(6) Email:

### **(III) SÁNG CHẾ BỊ YÊU CẦU CHẤM DỨT SỬ DỤNG**

(1) Tên sáng chế:

(2) Số văn bằng bảo hộ:

(3) Ngày cấp:

### **(IV) CHỦ SỞ HỮU VĂN BẰNG BẢO HỘ**

(1) Tên đầy đủ:

(2) Địa chỉ

(3) Điện thoại:

(4) Email:

<b>(V) CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b>	<b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b> <i>(Dành cho cán bộ nhận đơn)</i>
<input type="checkbox"/> Tờ khai, gồm.....trang <input type="checkbox"/> Tài liệu chứng minh cơ sở yêu cầu chấm dứt sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc, gồm.....trang <input type="checkbox"/> Bản gốc Văn bản uỷ quyền bằng tiếng..... <input type="checkbox"/> bản dịch tiếng Việt văn bản UQ, gồm.....trang <input type="checkbox"/> bản sao ( <input type="checkbox"/> bản gốc sẽ nộp sau <input type="checkbox"/> bản gốc đã nộp theo đơn số:.....)	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Bản sao chụp chứng từ /bằng chứng về việc nộp phí, lệ phí theo quy định <input type="checkbox"/> Tài liệu khác, cụ thể:	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin-left: auto; margin-right: auto;"><b>Cán bộ nhận đơn</b> <i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i></div>

### **(VI) CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN**

Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Khai tại:.....ngày..... tháng.....năm.....*

Chữ ký, họ tên người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn

*(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)*

